

## PHẦN MỞ ĐẦU

### 1. Lý do chọn đề tài

Quá trình toàn cầu hoá đang thúc đẩy mạnh mẽ sự hội nhập của các nước vào nền kinh tế thế giới và khu vực. Trong đó, đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) là một hoạt động chiếm vị trí ngày càng quan trọng đối với cả nước đầu tư và nước tiếp nhận đầu tư, đặc biệt là những nước đang phát triển như Việt Nam. Đây được coi là đòn bẩy nhằm giúp đất nước thoát khỏi “cái vòng luẩn quẩn” về kinh tế. Thực tế cho thấy, thời gian vừa qua vốn FDI đã và đang là một kênh bổ sung vốn rất quan trọng cho nền kinh tế, đáp ứng nhu cầu đầu tư phát triển và tăng trưởng kinh tế. Những thành tựu đạt được trong việc thu hút nguồn vốn FDI thời gian qua đã tạo cho đất nước nhiều ngành công nghiệp mới và tăng cường năng lực cho các ngành công nghiệp như dầu khí, hóa chất, lắp ráp ô tô, công nghệ thông tin... Bên cạnh đó nguồn vốn FDI cũng góp phần hình thành và phát triển hệ thống các khu công nghiệp, khu chế xuất và đặc biệt là khu công nghệ cao.

Tuy nhiên, bên cạnh những đóng góp tích cực đó, đầu tư nước ngoài có những mặt hạn chế gây ảnh hưởng không nhỏ đến nền kinh tế, nổi cộm là vấn đề chuyển giá. Hiện có nhiều doanh nghiệp FDI đang tận dụng việc chuyển giá để làm cho kết quả kinh doanh của họ tại Việt Nam bị lỗ. Mục đích của việc chuyển giá này nhằm chuyển thu nhập và lợi nhuận từ nước có thuế suất cao sang nước có thuế suất thấp để đóng thuế ít hơn. Cách làm này của các doanh nghiệp đã gây thất thoát nguồn thu thuế trong nước.

Xuất phát từ thực tiễn đó, nhóm 3 đã chọn đề tài: **“Đánh giá thực trạng đầu tư nước ngoài tại Việt Nam giai đoạn từ 2008 đến quý 3/2012”** với mong muốn nhìn nhận lại một cách rõ nét và chi tiết tình hình đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam trong những năm gần đây, từ đó đánh giá những mặt được và chưa được nhằm đưa ra định hướng, giải pháp để tăng cường thu hút vốn FDI trong thời gian tới, nâng cao hiệu quả và lợi ích của việc thu hút vốn FDI để phát triển nền kinh tế Việt Nam bền vững.

**Nội dung đề tài bao gồm 3 phần:**

*Phần mở đầu*

*Phần nội dung chính: Bao gồm 3 chương*

- *Chương 1: Tổng quan về đầu tư trực tiếp nước ngoài*
- *Chương 2: Thực trạng đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam*
- *Chương 3: Giải pháp nâng cao đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam*

*Kết luận*

### 2. Mục tiêu nghiên cứu

## 2.1 Mục tiêu chung

Đánh giá thực trạng đầu tư nước ngoài tại Việt Nam từ 2008 đến quý 3/2012, từ đó đưa ra giải pháp khắc phục những yếu kém hiện tại song song đó đưa ra các giải pháp tăng cường việc thu hút vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam.

## 2.2 Mục tiêu cụ thể

- Những nhân tố ảnh hưởng đến đầu tư trực tiếp tại Việt Nam.
- Đánh giá thực trạng vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.
- Đưa ra giải pháp khắc phục yếu kém và tăng cường thu hút đầu tư nước ngoài.

## 3. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp thu thập số liệu: dữ liệu thứ cấp được thu thập website tổng cục thống kê, Ngân hàng Nhà nước, niên giám thống kê...

Phương pháp phân tích số liệu:

- Phương pháp so sánh số tương đối. So sánh số liệu giữa các năm bằng cách tính phần trăm, năm sau bằng bao nhiêu năm trước từ đó so sánh đưa ra nhận định tăng hay giảm bao nhiêu phần trăm.

So sánh hai số liệu cùng khác năm: % thay đổi =  $\frac{Y_{\text{sau}}}{Y_{\text{trước}}} \times 100\%$

Xác định năm sau so với năm trước tăng hay giảm nhiều phần trăm từ đó đưa ra nhận xét.

- Phương pháp so sánh số tuyệt đối để phân tích số liệu cần nghiên cứu.

$$\Delta Y = Y_1 - Y_2$$

Tính tăng hay giảm cụ thể là con số bao nhiêu rồi đưa ra nhận xét.

## 4. Phạm vi nghiên cứu

**4.1. Phạm vi không gian:** Đề tài được thực hiện tại Việt Nam.

**4.2. Phạm vi thời gian:** Số liệu sử dụng cho đề tài này được thực hiện từ 2008 đến tháng 11/2012.

**4.3. Đối tượng nghiên cứu:** Lĩnh vực đầu tư nước ngoài vào Việt Nam.

# CHƯƠNG 1

## TỔNG QUAN VỀ ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI

### 1.1. KHÁI NIỆM ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI

*Đầu tư* là sự hi sinh nguồn lực ở hiện tại để tiến hành các hoạt động nào đó nhằm thu về cho nhà đầu tư các kết quả nhất định trong tương lai lớn hơn các nguồn lực đã bỏ ra để được kết quả đó.

*Đầu tư trực tiếp nước ngoài* (tiếng Anh: Foreign Direct Investment, viết tắt là FDI) là hình thức đầu tư dài hạn của cá nhân hay công ty nước này vào nước khác bằng cách thiết lập cơ sở sản xuất, kinh doanh. Cá nhân hay công ty nước ngoài đó sẽ nắm quyền quản lý cơ sở sản xuất kinh doanh này.

Tổ chức Thương mại Thế giới đưa ra định nghĩa như sau về FDI:

*Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) xảy ra khi một nhà đầu tư từ một nước (nước chủ đầu tư) có được một tài sản ở một nước khác (nước thu hút đầu tư) cùng với quyền quản lý tài sản đó. Phương diện quản lý là thứ để phân biệt FDI với các công cụ tài chính khác. Trong phần lớn trường hợp, cả nhà đầu tư lẫn tài sản mà người đó quản lý ở nước ngoài là các cơ sở kinh doanh. Trong những trường hợp đó, nhà đầu tư thường hay được gọi là "công ty mẹ" và các tài sản được gọi là "công ty con" hay "chi nhánh công ty".*

Về bản chất đầu tư trực tiếp nước ngoài là hình thức xuất khẩu tư bản, một hình thức cao hơn của xuất khẩu hàng hóa. Đây là hai hình thức xuất khẩu luôn bổ sung và hỗ trợ cho nhau, trong chiến lược chiếm lĩnh thị trường của các công ty, tập đoàn hiện nay, đặc biệt là các công ty đa quốc gia. Đối với họ việc buôn bán hàng hóa ở nước khác là một bước đi thăm dò thị trường, luật lệ và cơ hội để đưa ra một quyết định đầu tư. Nó như một chiếc chìa khóa vàng mở cửa cho lợi nhuận chảy vào túi của nhà tư bản, khi họ được khai thác nguồn tài nguyên phong phú, và xuất khẩu một khối lượng lớn máy móc và trang thiết bị cho các nước đó. Còn đối với nước sở tại, việc chấp nhận đầu tư nước ngoài cũng là tạo cơ hội mới cho mình trong việc phát triển nền kinh tế. Đó là điều kiện tốt để các nước này tận dụng tốt nguồn vốn nước ngoài, tiếp cận công nghệ hiện đại, nâng cao trình độ lao động – phát triển được một số ngành cơ sở. Bên cạnh đó cũng thu được một khoản lợi nhuận từ các nhà đầu tư nước ngoài.

Theo luật đầu tư trực tiếp nước ngoài thì “đầu tư trực tiếp nước ngoài” là việc nhà đầu tư nước ngoài đưa vào Việt Nam vốn bằng tiền hoặc bất kỳ tài sản nào để

tiến hành các hoạt động đầu tư theo quy định của Luật đầu tư nước ngoài.

## **1.2 . CÁC HÌNH THỨC FDI**

### **1.2.1 Các hình thức phân theo bản chất đầu tư**

#### **1.2.1.1. Đầu tư phương tiện hoạt động**

Đầu tư phương tiện hoạt động là hình thức FDI trong đó công ty mẹ đầu tư mua sắm và thiết lập các phương tiện kinh doanh mới ở nước nhận đầu tư. Hình thức này làm tăng khối lượng đầu tư vào.

#### **1.2.1.2 Mua lại và sáp nhập**

Mua lại và sáp nhập là hình thức FDI trong đó hai hay nhiều doanh nghiệp có vốn FDI đang hoạt động sáp nhập vào nhau hoặc một doanh nghiệp này (có thể đang hoạt động ở nước nhận đầu tư hay ở nước ngoài) mua lại một doanh nghiệp có vốn FDI ở nước nhận đầu tư. Hình thức này không nhất thiết dẫn tới tăng khối lượng đầu tư vào.

### **1.2.2 Các hình thức đầu tư phân theo tính chất dòng vốn**

#### **1.2.2.1 Vốn chứng khoán**

Nhà đầu tư nước ngoài có thể mua cổ phần hoặc trái phiếu doanh nghiệp do một công ty trong nước phát hành ở một mức đủ lớn để có quyền tham gia vào các quyết định quản lý của công ty.

#### **1.2.2.2 Vốn tái đầu tư**

Doanh nghiệp có vốn FDI có thể dùng lợi nhuận thu được từ hoạt động kinh doanh trong quá khứ để đầu tư thêm.

#### **1.2.2.3 Vốn vay nội bộ hay giao dịch nợ nội bộ**

Giữa các chi nhánh hay công ty con trong cùng một công ty đa quốc gia có thể cho nhau vay để đầu tư hay mua cổ phiếu, trái phiếu doanh nghiệp của nhau.

### **1.2.3 Các hình thức đầu tư phân theo cách thức tổ chức quản lý:**

#### **1.2.3.1 Hợp đồng hợp tác kinh doanh**

Là văn bản ký kết giữa hai hoặc nhiều bên quy định rõ trách nhiệm và phân chia kết quả cho mỗi bên. Đây là hình thức đầu tư dễ thực hiện và có ưu thế lớn trong việc phối hợp sản phẩm. Các sản phẩm kỹ thuật cao đòi hỏi có sự kết hợp thể mạnh của nhiều công ty của nhiều quốc gia khác nhau. Đây cũng là xu hướng hợp tác sản xuất kinh doanh trong một tương lai gần, xu hướng của sự phân công lao động chuyên môn

hóa sản xuất trên phạm vi quốc tế.

### **1.2.3.2 Doanh nghiệp liên doanh**

Là loại hình doanh nghiệp do hai hay nhiều bên nước ngoài hợp tác với nước chủ nhà cùng góp vốn, cùng kinh doanh, cùng hưởng lợi nhuận và chia sẻ rủi ro theo tỷ lệ vốn góp. Doanh nghiệp liên doanh được thành lập theo hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn có tư cách pháp nhân theo pháp luật nước nhận đầu tư. Đây là hình thức đầu tư được các nhà đầu tư nước ngoài sử dụng nhiều nhất trong thời gian qua chiếm 65% trong tổng ba hình thức đầu tư (trong đó hình thức hợp tác kinh doanh chiếm 17%, Doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài chiếm 18%).

### **1.2.3.3 Doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài**

Doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài là doanh nghiệp thuộc sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài (tổ chức hoặc cá nhân người nước ngoài) do các nhà đầu tư nước ngoài thành lập tại nước muốn đầu tư. Tự quản lý và tự chịu trách nhiệm về kết quả sản xuất kinh doanh. Doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài được thành lập theo hình thức của công ty trách nhiệm hữu hạn có tư cách pháp nhân.

Các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài được thành lập theo hình thức 100% vốn nước ngoài.

Ngoài ra còn có một số hình thức đặc biệt : BTO (Build Transfer Operate), BOT (Build Operate Transfer), BT (Build Transfer).

## **1.3 NHỮNG NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI**

### **1.3.1 Nhân tố từ môi trường kinh tế vĩ mô**

**1.3.1.1 Chiến lược thu hút vốn để phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, chính sách thuế, ưu đãi.**

Chiến lược thu hút vốn là nhân tố có ý nghĩa quyết định đến việc thu hút vốn FDI, chiến lược này thể hiện tập trung ở một số điểm như: Mở cửa thu hút vốn bên ngoài hay không? Giai đoạn nào thì nên tập trung nguồn vốn trong nước hay ngoài nước, đối với nguồn vốn ngoài nước thì nên lựa chọn tập trung vào nguồn nào như đi vay thương mại, ODA hay vốn FDI... định hướng các lĩnh vực thu hút, tiêu chuẩn để xác định phương hướng lựa chọn dự án đầu tư của nước ngoài.

### **1.3.1.2 Độ mở cửa kinh tế quốc tế của quốc gia tiếp nhận, luật đầu tư:**

Hợp tác cùng tồn tại và phát triển là xu thế tất yếu của các quốc gia trên thế giới

ngày nay. Hợp tác trong kinh tế quốc tế là đem lại lợi ích trước hết cho quốc gia, dân tộc mình nhằm phát triển đất nước mình đồng thời cũng giải quyết đúng đắn mọi quan hệ giữa lợi ích quốc gia mình với quốc gia khác. Tham gia quan hệ kinh tế quốc tế, các nước có cơ hội trao đổi thương mại quốc tế, hợp tác quốc tế về kinh tế, khoa học công nghệ... Nhiều quốc gia khi thực hiện mở cửa tham gia các tổ chức kinh tế của khu vực và quốc tế, hoạt động ngoại thương phát triển nhanh chóng, thu hút đầu tư nước ngoài gia tăng, chất lượng đầu tư nước ngoài được cải thiện đáng kể.

#### ***1.3.1.3 Sự ổn định môi trường kinh tế vĩ mô, chính sách tài khóa - tiền tệ:***

Ổn định môi trường kinh tế vĩ mô như ổn định về kinh tế, chính trị, xã hội là điều kiện hết sức quan trọng để thu hút các nhà đầu tư nước ngoài. Các nhà đầu tư nước ngoài sẽ rất hạn chế khi tham gia đầu tư vào những nước có môi trường kinh tế vĩ mô kém ổn định vì khi đầu tư vào những nơi này sẽ tạo ra những rủi ro kinh doanh mà các nhà đầu tư không thể lường trước được. Khi có bất ổn về môi trường kinh tế vĩ mô, rủi ro gia tăng thì các dòng vốn FDI trên thế giới sẽ chững lại và vốn đầu tư sẽ di chuyển đến những nơi an toàn và có mức sinh lời cao hơn, ngay cả khi đã đầu tư rồi mà có sự bất ổn, nhất là bất ổn về chính trị thì các nhà đầu tư nước ngoài sẽ tìm mọi cách để rút lui vốn. Vì vậy muốn thu hút được vốn từ các nhà đầu tư nước ngoài thì các nước phải ổn định được môi trường kinh tế vĩ mô trước.

#### ***1.3.1.4. Hệ thống pháp luật của nước tiếp nhận vốn FDI:***

Luật pháp đóng vai trò hết sức quan trọng, là hành lang pháp lý đảm bảo sự an tâm cho các nhà đầu tư nước ngoài. Hệ thống pháp luật được xây dựng theo hướng thông thoáng, đầy đủ chặt chẽ là cơ sở tạo môi trường đầu tư thuận lợi. Hoạt động FDI liên quan đến nhiều chủ thể tham gia và có yếu tố nước ngoài vì vậy các văn bản ngoài yếu tố đồng bộ, chặt chẽ, tránh chồng chéo gây khó hiểu, còn phải phù hợp với thông lệ quốc tế. Hệ thống pháp luật không những tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư nước ngoài mà còn có chức năng ngăn cản những tác động tiêu cực mà các nhà đầu tư có tình vi phạm ảnh hưởng đến lợi ích cộng đồng, an ninh quốc gia và tạo ra sự cạnh tranh bình đẳng giữa các nhà đầu tư.

#### ***1.3.1.5 Cơ sở hạ tầng***

Để có thể thực hiện được các dự án thì đòi hỏi rất nhiều điều kiện. Các nước sở tại phải tiến hành đầu tư xây dựng các khu chế xuất và các khu công nghiệp đặc biệt,

và hệ thống đường xá (hệ thống sân bay, bến cảng, cầu cống... ) đây là những yếu tố hết sức quan trọng đến quyết định đầu tư hay không của các nhà đầu tư nước ngoài

### **1.3.2 Nhân tố liên quan đến các nhà đầu tư nước ngoài**

#### ***1.3.2.1 Môi trường kinh tế thế giới:***

Đây là nhân tố khách quan tác động đến các dòng vốn đầu tư nước ngoài vào các nước. Khi nền kinh tế thế giới có sự ổn định sẽ tác động tích cực đến sự di chuyển các dòng vốn đầu tư nước ngoài, làm cho quá trình thu hút đầu tư của các nước thuận lợi hơn rất nhiều, ngược lại khi môi trường thế giới không ổn định, suy thoái kinh tế diễn ra nhiều nơi thì sẽ khó khăn cho các nước tiếp nhận đầu tư.

#### ***1.3.2.2 Hướng dịch chuyển của dòng vốn FDI quốc tế:***

Đây là nhân tố bên ngoài có ý nghĩa quyết định đến khả năng thu hút vốn FDI của quốc gia, mức độ tăng, giảm của việc thu hút vốn FDI chịu sự chi phối vừa xu hướng vận động của các dòng vốn FDI trên thế giới.

#### ***1.3.2.3 Chiến lược đầu tư của các nhà đầu tư nước ngoài:***

Ngoài các nhân tố trên, các nước còn phải quan tâm đến chiến lược của các nhà đầu tư nước ngoài. Những nhà đầu tư như Nhật Bản, Hàn Quốc, Mỹ.. có tiềm lực tài chính mạnh, có nhiều kinh nghiệm trong đầu tư quốc tế, có uy tín trong kinh doanh, chiến lược kinh doanh của họ có xu hướng đầu tư vào các ngành công nghệ cao, ngành chế tác, sử dụng lao động có tay nghề và vào các khu vực có triển vọng trong kinh doanh. Đối với các nhà đầu tư như Trung Quốc, Hồng Kông, Đài Loan.. thì chủ yếu đầu tư vào lĩnh vực chế biến, lắp ráp, khai thác tài nguyên... Tùy vào chiến lược đầu tư của các nhà đầu tư nước ngoài mà các nước có các ưu thế tương ứng có cơ hội để thu hút các nhà đầu tư này.

#### ***1.3.2.4 Tiềm lực tài chính, năng lực kinh doanh của nhà đầu tư nước ngoài:***

Các nhà đầu tư có tiềm lực tài chính, năng lực kinh doanh tốt sẽ đóng góp nhiều cho sự phát triển kinh tế, tạo ra nhiều tác động lan tỏa tích cực thúc đẩy, lôi cuốn các nhà đầu tư nước ngoài khác đầu tư vào nước tiếp nhận.



## KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Trong chương 1, nhóm tác giả đã trình bày những vấn đề cơ bản nhất về đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI): Khái niệm, các hình thức đầu tư nước ngoài, và những nhân tố tác động đến đầu tư nước ngoài. Như vậy qua chương 1, nhóm tác giả giúp người đọc có cái nhìn khái quát hơn về lĩnh vực đầu tư trực tiếp nước ngoài.

Trong chương 2, nhóm tác giả sẽ đánh giá thực trạng đầu tư nước ngoài tại Việt Nam từ năm 2008 đến những tháng cuối năm 2012.



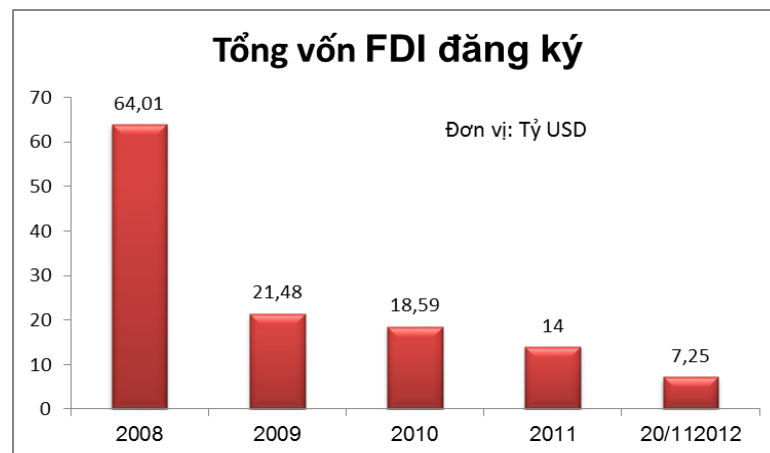
## CHƯƠNG 2

### THỰC TRẠNG CỦA VIỆC ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM TỪ NĂM 2008 ĐẾN NAY

#### 2.1 PHÂN TÍCH TÍCH THỰC TRẠNG ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM

##### 2.1.1. Số lượng và quy mô dự án

**Biểu đồ 1: Tổng vốn đầu tư FDI đăng ký qua các năm ở Việt Nam.**



*Nguồn: Tổng cục thống kê Việt Nam*

##### 2.1.1.1 Năm 2008:

Việt Nam đồng thời chịu hai cú sốc liên tiếp có chuyên gia gọi là hai cuộc khủng hoảng. Cuộc khủng hoảng thứ nhất là đó là cuộc khủng hoảng giá nhiên liệu, giá lương thực, sắt thép... trên thế giới. Điều đó tác động lớn đến Việt Nam, cùng một lúc với lạm phát, Việt Nam còn bị nhập siêu cao. Trong tình huống đó chính phủ đã chuyển đổi mục tiêu ưu tiên từ ưu tiên cho mục tiêu tăng trưởng kinh tế sang ưu tiên cho mục tiêu kiềm chế lạm phát. Thực hiện tám nhóm giải pháp, trong đó biện pháp quan trọng hàng đầu là thực hiện chính sách thắt chặt tiền tệ... Nhờ vậy hai vấn đề nóng nhất là lạm phát và nhập siêu được hạ nhiệt. Nhưng hai vấn đề vừa được giải quyết cuộc khủng hoảng địa ốc, cho vay dưới chuẩn ở Mỹ đã có vấn đề từ hơn một năm trước, bùng phát vào giữa tháng 9, đã lan nhanh sang các lĩnh vực tài chính, tiền tệ, kinh tế, lao động việc làm và lan nhanh sang các khu vực, các nước.

Một nền kinh tế mà tăng trưởng dựa tới gần 60% vào vốn đầu tư, có định hướng xuất khẩu (xuất khẩu so với GDP lên tới 70%), vừa mới gia nhập Tổ chức Thương mại

Thế giới (WTO) được 2 năm, lại vừa trải qua lạm phát, nhập siêu cao..., nên cuộc khủng hoảng trên thế giới đã tác động lớn đến Việt Nam, tuy có chậm hơn một số nước (do độ mở cửa về tài chính chưa rộng, đồng tiền chưa chuyển đổi, do có sự chủ động ứng phó...), nhưng cũng rất lớn và khá rộng. Tương chừng điều đó sẽ tác động đến FDI rất lớn vậy mà trong năm 2008 những siêu dự án, những kỷ lục về quy mô vốn liên tục được phá. Tình hình thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đã tạo nên một góc sáng trong bức tranh kinh tế Việt Nam năm 2008, nếu nhìn trên các con số. Với nhiều dự án quy mô vốn đặc biệt lớn, FDI đăng ký cấp mới và tăng thêm tại Việt Nam năm 2008, tính đến 19/12, đã đạt 64,011 tỷ USD, trong đó vốn thu hút mới là 1.171 dự án với giá trị hơn 60,2 tỷ USD. Số vốn tăng thêm từ các dự án đang hoạt động tại Việt Nam trong năm nay là 3,74 tỷ USD. Với một con số quan trọng hơn - vốn giải ngân, thì năm 2008 cũng xác lập kỷ lục. Các doanh nghiệp FDI tại Việt Nam đã giải ngân số vốn lên tới 11,5 tỷ USD. Quy mô dự án đầu tư bình quân là 51,47 triệu USD/dự án, cao hơn rất nhiều so với thời gian trước.

#### **2.1.1.2 Năm 2009:**

Ước tính các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài đã giải ngân được 10 tỷ USD, bằng 87% so với năm 2008. Tính đến 15/12/2009, trong năm 2009 cả nước có 839 dự án mới được cấp giấy chứng nhận đầu tư với tổng vốn đăng ký 16,34 tỷ USD. Tuy chỉ bằng 24,6% so với năm 2008 nhưng đây là cũng là con số khá cao trong bối cảnh khủng hoảng kinh tế. Trong năm 2009, có 215 dự án đăng ký tăng vốn đầu tư với tổng vốn đăng ký tăng thêm là 5,13 tỷ USD, bằng 98,3% so với năm 2008. Tính chung cả cấp mới và tăng vốn, trong năm 2009, các nhà đầu tư nước ngoài đã đăng ký đầu tư vào Việt Nam 21,48 tỷ USD, bằng 30% so với năm 2008.

#### **2.1.1.3 Năm 2010:**

Ước tính các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài đã giải ngân được 11 tỷ USD, tăng 10% so với cùng kỳ năm 2009. Trong đó, giải ngân của các nhà đầu tư nước ngoài ước đạt 8 tỷ USD. Các dự án đầu tư nước ngoài triển khai trong năm 2010 đạt được mục tiêu giải ngân đề ra. Tính đến ngày 21 tháng 12 năm 2010 cả nước có 969 dự án mới được cấp giấy chứng nhận đầu tư với tổng vốn đăng ký 17,23 tỷ USD, tăng 2,5% so với cùng kỳ năm 2009. Cũng trong năm nay có 269 lượt dự án đăng ký tăng vốn đầu tư với tổng vốn đăng ký tăng thêm là 1,37 tỷ USD, bằng 23,5% so với cùng kỳ năm 2009. Tính chung cả cấp mới và tăng vốn, trong 12 tháng đầu năm 2010, các nhà

đầu tư nước ngoài đã đăng ký đầu tư vào Việt Nam 18,59 tỷ USD, bằng 82,2% so với cùng kỳ 2009.

#### **2.1.1.4 Trong năm 2011:**

Tổng vốn đăng ký là 14 tỷ USD và vốn giải ngân đạt gần 11 tỷ USD. Như vậy, vốn đăng ký năm nay giảm tương đối nhiều so với năm 2010 (khoảng 24%), vốn giải ngân có sụt giảm nhưng không đáng kể. Trong đó, lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo đóng góp đáng kể về thu hút đầu tư với gần 400 dự án có tổng số vốn ước tính 6,5 tỷ USD, chiếm khoảng 47% tổng vốn đầu tư năm 2011.

#### **1.1.1.5 Tính đến ngày 20/11/2012:**

Cả nước có 980 dự án mới được cấp giấy chứng nhận đầu tư với tổng vốn đăng ký đạt 7,25 tỷ USD, bằng 60,4% so với cùng kỳ năm 2011. Trong khi đó, đã có 406 lượt dự án đăng ký tăng vốn đầu tư với tổng vốn đăng ký tăng thêm là 4,92 tỷ USD, tăng 41,3% so với cùng kỳ năm 2011. Tính chung cả cấp mới và tăng vốn, trong 11 tháng đầu năm 2012, các nhà đầu tư nước ngoài đã đăng ký đầu tư vào Việt Nam 12,18 tỷ USD, bằng 78,6% so với cùng kỳ 2011.

Kết quả này khá lạc quan hơn hẳn so với 10 tháng đầu năm 2011, khi thống kê của 10 tháng đầu năm 2012 ghi nhận lượng vốn đầu tư đăng ký là 10,49 tỷ USD, bằng 75,3% so với cùng kỳ 2011. Đóng góp lớn vào sự tăng trưởng này phải kể đến việc cấp phép tăng vốn cho dự án Samsung tại Bắc Ninh với số vốn tăng thêm đạt 830 triệu USD và dự án xây dựng nhà máy sản xuất điện thoại di động Nokia vào tháng 04/2012 với quy mô gần 300 triệu USD (200 triệu Euro). Trong 11 tháng đầu năm 2012, ước tính các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài đã giải ngân được 10 tỷ USD, bằng 99,5 % so với cùng kỳ năm 2011.

Trong khi đó, xuất khẩu của khu vực FDI trong 11 tháng đầu năm 2012 dự kiến đạt 65,61 tỷ USD, tăng 31,8% so với cùng kỳ năm 2011 và chiếm 63,09% tổng kim ngạch xuất khẩu. Con số này cũng có sự đóng góp đáng kể từ gần 10 tỷ USD kim ngạch xuất khẩu của Samsung Electronics.

### **2.1.2. Lĩnh vực đầu tư**

#### **2.1.2.1 Năm 2008:**

Vốn FDI đăng ký mới tập trung chủ yếu vào lĩnh vực công nghiệp và xây dựng, gồm 572 dự án với tổng vốn đăng ký 32,62 tỷ USD, chiếm 48,85% về số dự án và

54,12% về vốn đầu tư đăng ký. Lĩnh vực dịch vụ có 554 dự án với tổng vốn đăng ký 27,4 tỷ USD, chiếm 47,3% về số dự án và 45,4% về vốn đầu tư đăng ký. Số còn lại thuộc lĩnh vực nông-lâm-ngư nghiệp.

**2.1.2.2 Năm 2009:**

Dịch vụ lưu trú và ăn uống là lĩnh vực thu hút sự quan tâm lớn nhất của các nhà đầu tư nước ngoài với 8,8 tỷ USD vốn cấp mới và tăng thêm. Trong đó, có 32 dự án cấp mới với tổng vốn đầu tư là 4,9 tỷ USD và 8 dự án tăng vốn với số vốn tăng thêm là 3,8 tỷ USD. Kinh doanh bất động sản đứng thứ 2 với 7,6 tỷ USD vốn đăng ký mới và tăng thêm.

**BẢNG 1 TÌNH HÌNH THU HÚT ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI THEO NGÀNH NĂM 2009**

*Đơn vị tính: Triệu USD*

TT	Ngành	Số dự án cấp mới	Vốn đăng ký cấp mới	Số lượt dự án tăng vốn	Vốn đăng ký tăng thêm	Vốn đăng ký cấp mới và tăng thêm
1	DV lưu trú và ăn uống	32	4,982.6	8	3,811.7	8,794.2
2	KD bất động sản	39	7,372.4	4	236.1	7,608.5
3	CN chế biến, chế tạo	245	2,220.0	131	749.3	2,969.2
4	Xây dựng	74	388.3	11	99.2	487.4
5	Khai khoáng	6	397.0	0	0.0	397.0
6	Nghệ thuật & giải trí	12	291.8	0	0.0	291.8
7	Bán buôn, bán lẻ; sửa chữa	115	191.7	14	46.5	238.2
8	Vận tải kho bãi	26	109.8	5	74.8	184.6
9	SX, PP điện, khí, nước, điều hòa	16	129.0	1	27.9	156.9
10	HD chuyên môn, KHCN	148	89.0	7	10.9	99.9
11	Thông tin & TT	63	67.6	17	25.5	93.1
12	Nông, lâm nghiệp; thủy sản	16	62.4	8	22.5	84.9
13	Giáo dục và đào tạo	8	5.2	3	23.7	28.9
14	Dịch vụ khác	22	14.9	5	7.9	22.7
15	Cấp nước; xử lý chất thải	5	8.4	0	0.0	8.4
16	Y tế và trợ giúp XH	6	7.4	1	0.9	8.3
17	Hành chính và dvụ hỗ trợ	5	7.9	0	0.0	7.9
18	Tài chính	1	0.0	0	0.0	0.0
<b>Tổng số</b>		<b>839</b>	<b>16,345.4</b>	<b>215</b>	<b>5,136.7</b>	<b>12,482.1</b>

*Nguồn: Tổng cục thống kê*

Trong đó có một số dự án có quy mô lớn được cấp phép trong năm như khu du lịch sinh thái bãi biển rộng tại Quảng Nam, dự án Công ty TNHH thành phố mới Nhơn Trạch Berjaya tại Đồng Nai và dự án Công ty TNHH một thành viên Galileo Investment Group Việt Nam có tổng vốn đầu tư lần lượt là 4,15 tỷ USD, 2 tỷ USD và 1,68 tỷ USD. Lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo có quy mô vốn đăng ký lớn thứ ba trong năm 2009 với 2,97 tỷ USD vốn đăng ký, trong đó có 2,22 tỷ USD đăng ký mới và 749 triệu USD vốn tăng thêm.

#### **2.1.2.3 Năm 2010:**

Với dự án Khu du lịch tổng hợp cao cấp Mũi Dinh tỉnh Ninh Thuận có quy mô vốn 4,5 tỷ USD, khu nghỉ dưỡng cao cấp phức hợp Nam Hội An do Công ty liên doanh đầu tư Genting VinaCapital tại thành phố Hội An- Quảng Nam vốn đầu tư lên tới 4 tỷ USD, lĩnh vực kinh doanh bất động sản vươn lên đứng thứ nhất. Trong đó có 27 lượt dự án cấp mới và 6 dự án tăng vốn, tổng vốn đầu tư đăng ký mới và tăng thêm là 6,84 tỷ USD, chiếm 36,8% tổng vốn đầu tư đăng ký vào Việt Nam.

Trong năm 2010, lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo, lĩnh vực thế mạnh và là lĩnh vực thu hút được sự quan tâm lớn nhất của nhà đầu tư nước ngoài luôn duy trì ở vị trí cao. Lĩnh vực này dẫn đầu về số lượt dự án đăng ký cấp mới và dự án tăng vốn đầu tư trong năm 2010. Có 385 dự án cấp mới với tổng vốn đầu tư trên 4 tỷ USD và 199 dự án tăng vốn với số vốn tăng thêm là 1 tỷ USD, tổng vốn đầu tư đăng ký mới và tăng thêm là 5,1 tỷ, chiếm 27,3% tổng vốn đầu tư đăng ký.

Đứng thứ 3 là lĩnh vực sản xuất phân phối điện, khí nước, điều hòa với 6 dự án đầu tư có tổng vốn đầu tư đăng ký mới và tăng thêm là 2,95 tỷ USD, chiếm 15,9% tổng vốn đầu tư đăng ký trong năm 2010.

#### **2.1.2.4 Đến 20/5/2011**

Thì lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo đứng thứ nhất với 151 dự án đầu tư đăng ký mới, tổng số vốn cấp mới và tăng thêm là 2,737 tỷ USD, chiếm 58,4% tổng vốn đầu tư đăng ký từ đầu năm đến nay. Trong khi đó, đứng thứ 2 là lĩnh vực Xây dựng với 36 dự án đầu tư mới, tổng vốn đầu tư cấp mới và tăng thêm là 352,66 triệu USD, chiếm 7,5%. Tiếp theo là lĩnh vực Dịch vụ lưu trú và ăn uống với tổng số vốn đăng ký cấp mới và tăng thêm là 350,98 triệu USD.

#### **2.1.2.5 Tính đến 20 tháng 11 năm 2012**

Về lĩnh vực đầu tư, lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo là lĩnh vực thu hút

được nhiều sự quan tâm của nhà đầu tư nước ngoài với 431 dự án đầu tư đăng ký mới, tổng số vốn cấp mới và tăng thêm là 8,5 tỷ USD, chiếm 69,8% tổng vốn đầu tư đăng ký trong 11 tháng.

**Bảng 2 Tình hình thu hút đầu tư nước ngoài theo ngành từ 01/01/2011 đến 20/05/2011**

*Đơn vị tính: Triệu USD*

TT	Ngành	Số dự án cấp mới	Vốn đăng ký cấp mới	Số lượt dự án tăng vốn	Vốn đăng ký tăng thêm	Vốn đăng ký cấp mới và tăng thêm
1	CN chế biến, chế tạo	151	2,107.15	86	630.0	2,737.17
2	Xây dựng	36	211.32	4	141.3	352.66
3	Dvụ lưu trú và ăn uống	4	142.97	1	208.0	350.98
4	Cấp nước;xử lý chất thải	1	322.21	0	0.0	322.21
5	KD bất động sản	6	266.27	1	30.0	296.27
6	Pp điện, khí, nước,đ.hòa	1	266.00	0	0.0	266.00
7	Nghệ thuật và giải trí	2	0.16	1	138.2	138.34
8	Bán buôn,bán lẻ;sửa chữa	43	90.75	2	3.5	94.25
9	HD chuyên môn, KHCN	38	49.15	1	3.5	52.65
10	Y tế và trợ giúp XH	2	40.00	0	0.0	40.00
11	Thông tin và truyền thông	14	12.40	2	1.8	14.20
12	Nông,lâm nghiệp;thủy sản	4	6.77	2	5.0	11.77
13	Vận tải kho bãi	3	8.00	0	0.0	8.00
14	Giáo dục và đào tạo	4	2.79	0	0.0	2.79
15	Hành chính và dvụ hỗ trợ	3	0.53	0	0.0	0.53
16	Dịch vụ khác	1	0.05	1	0.3	0.32
<b>Tổng số</b>		<b>313</b>	<b>3,526.51</b>	<b>101</b>	<b>1,161.6</b>	<b>4,688.13</b>

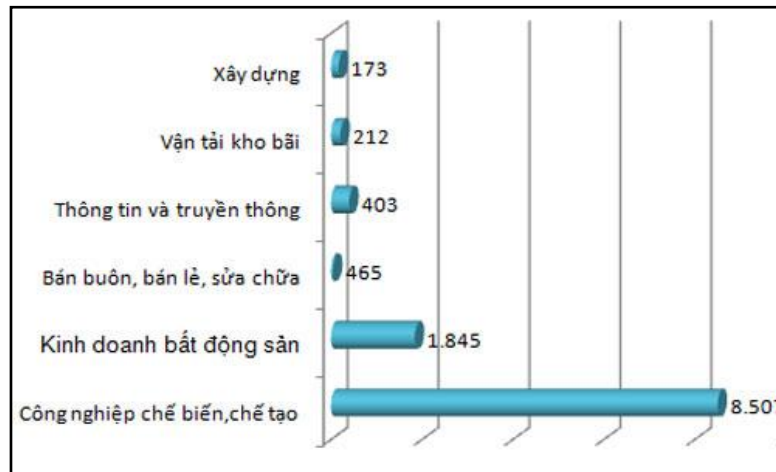
*Nguồn: Tổng cục thống kê*

Lĩnh vực kinh doanh bất động sản đứng thứ 2 với 9 dự án đầu tư đăng ký mới, tổng vốn đầu tư cấp mới và tăng thêm là 1,84 tỷ USD, chiếm 15,1%.

Đứng thứ 3 là lĩnh vực bán buôn bán lẻ, sửa chữa, với 169 dự án đăng ký mới, tổng vốn đầu tư cấp mới và tăng thêm đạt 465,6 triệu USD, chiếm 3,8% và tiếp theo là lĩnh vực thông tin và truyền thông với tổng số vốn đăng ký cấp mới và tăng thêm là 403,4 triệu USD.

**Biểu đồ 2: 6 lĩnh vực thu hút nhiều vốn FDI nhất**

*Đơn vị tính: Triệu USD*



*Nguồn: Cục Đầu tư nước ngoài.*

### 2.1.3. Vùng đầu tư

#### 2.1.3.1 Năm 2009:

Bà Rịa-Vũng Tàu là địa phương thu hút nhiều vốn ĐTNN nhất trong năm 2009 với có 3 dự án với 6,73 tỷ USD vốn đăng ký mới và tăng thêm, nổi bật với dự án nhà máy thép do Công ty cổ phần China Steel Sumikin Việt Nam, liên doanh của Tập đoàn China Steel (Đài Loan), Sumitomo Metal Industries và Sumitomo Corporation (Nhật Bản), làm chủ đầu tư. Nhà máy thép có diện tích 109 ha tại khu công nghiệp Mỹ Xuân A2 (Bà Rịa - Vũng Tàu), có công suất 1,6 triệu tấn/năm, sản xuất sản phẩm thép cao cấp phục vụ công nghiệp đóng tàu, chế tạo máy, sản xuất ô tô xe máy, điện, điện tử... Vốn điều lệ của dự án là 574 triệu USD, gần bằng 1/2 tổng vốn đăng ký (1,148 tỷ USD).

Tiếp theo là Quảng Nam, Bình Dương, Đồng Nai và Phú Yên với quy mô vốn đăng ký lần lượt là 4,1 tỷ USD; 2,5 tỷ USD; 2,36 tỷ USD và 1,7 tỷ USD.

#### 2.1.3.2 Năm 2010:

Quảng Nam vươn lên vị trí dẫn đầu cả nước về thu hút vốn FDI với dự án lớn: dự án Công ty TNHH phát triển Nam Hội An (Khu nghỉ dưỡng Nam Hội An) do nhà đầu tư Singapore đầu tư tại Quảng Nam với tổng vốn đầu tư 4 tỷ USD. Dragon Beach do nhà đầu tư Dragon Beach Group (liên doanh giữa hai công ty của Hoa Kỳ là Tano Capital LLC và Global D&C INC) làm chủ đầu tư có tổng vốn đăng ký đầu tư 4,15 tỉ



USD, triển khai trên diện tích 400ha tại xã Điện Dương, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam. Tiếp theo là Bà Rịa – Vũng Tàu, Quảng Ninh, thành phố Hồ Chí Minh, Nghệ An với quy mô vốn đăng ký lần lượt là 2,56 tỷ USD, 2,2 tỷ USD USD, 2 tỷ USD và 1,3 tỷ USD. Trong số các dự án cấp mới trong 12 tháng năm 2010, đáng chú ý có các dự án lớn được cấp phép là: Công ty TNHH điện lực AES-TKV Mông Dương (BOT nhiệt điện Mông Dương 2) xây dựng nhà máy nhiệt điện tại Quảng Ninh với tổng vốn đầu tư là 2,1 tỷ USD; Dự án Công ty Sắt xộp Kobelco Việt Nam sản xuất phôi thép tại Nghệ An với tổng vốn đầu tư 1 tỷ USD; Công ty TNHH Skybridge Dragon Sea của Hoa Kỳ, mục tiêu xây dựng, kinh doanh Khu trung tâm hội nghị triển lãm, trung tâm thương mại, kinh doanh bất động sản tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu với tổng vốn đầu tư 902,5 triệu USD.

#### **2.1.3.3 Năm 2011:**

TP Hồ Chí Minh là địa phương thu hút nhiều vốn ĐTNN nhất với 1,274 tỷ USD vốn đăng ký mới và tăng thêm. Trong tháng này, Hà Nội đã vươn lên đứng thứ 2 với tổng vốn đăng ký cấp mới và tăng thêm là 446,86 triệu USD. Đà Nẵng đứng thứ 3 với 423,57 triệu USD vốn đăng ký cấp mới và tăng thêm. Tiếp theo là Đồng Nai, Ninh Thuận, Bắc Giang với quy mô vốn đăng ký lần lượt là 296,29 triệu USD, 266 triệu USD và 254,5 triệu USD.

Một số dự án lớn được cấp phép trong 5 tháng đầu năm 2011 là: dự án Công ty TNHH sản xuất First Solar Việt nam, thuộc lĩnh vực công nghiệp chế biến chế tạo do Singapore đầu tư tại TP Hồ Chí Minh với tổng vốn đầu tư hơn 1 tỷ USD; dự án Công ty TNHH Gamuda Land Việt Nam do Malaysia đầu tư, tổng vốn đầu tư 322,2 triệu USD với mục tiêu thiết kế, xây dựng và lắp đặt các hạng mục công trình xử lý nước thải tại Hà Nội; dự án Công ty TNHH một thành viên Enfinity Ninh thuận với tổng vốn đầu tư 266 triệu USD do Hồng Kông đầu tư với mục tiêu sản xuất điện tại Ninh Thuận; dự án Công ty TNHH Wintek Việt Nam, tổng vốn đầu tư 250 triệu USD do Samoa đầu tư tại Bắc Giang với mục tiêu sản xuất và gia công tấm cảm ứng, thiết bị thể hiện tinh thể lỏng LCD modum; dự án Công ty Bến du thuyền Đà Nẵng của nhà đầu tư BritishVirginIslands với tổng vốn đầu tư 174 triệu USD, dự án Công ty TNHH Whitestone Investmnet Hội An do Síp đầu tư tại Quảng Nam với tổng vốn đầu tư là 137 triệu USD, đầu tư vào lĩnh vực dịch vụ du lịch.

#### **2.1.3.4 Tính đến 8 tháng đầu năm 2012:**

Hai địa phương thu hút được trên 1 tỷ USD vốn ĐTNN là Bình Dương (xếp thứ nhất; 1,85 tỷ USD, chiếm 21,8% tổng vốn ĐTNN) và Hải Phòng (xếp thứ hai; 1,05 tỷ USD; 12,4%). Tổng hợp 20 địa phương thu hút được nhiều vốn đầu tư nhất trong cả nước 8 tháng đầu năm 2012 như sau:

**Bảng 3: 20 địa phương thu hút FDI nhiều nhất 8 tháng năm 2012**

*Đơn vị tính: Triệu USD*

STT	Tên địa phương	Số cấp mới		Số tăng thêm		Tổng
		Dự án	Vốn đăng ký	Dự án	Vốn đăng ký	
1	Bình Dương	61	1.462,24	22	387,37	1.849,61
2	Hải Phòng	20	1.037,51	17	16,85	1.054,36
3	Đồng Nai	34	591,91	38	380,98	972,89
4	TP Hồ Chí Minh	211	396,72	49	526,24	922,96
5	Bắc Giang	10	33,10	3	869,60	902,70
6	Hà Nội	130	148,82	41	264,30	413,11
7	Quảng Ninh	4	390,44	1	0,00	390,44
8	Hung Yên	14	95,25	10	150,65	245,90
9	Khánh Hòa	2	180,30	4	18,88	199,18
10	Ninh Bình	2	186,57	1	4,00	190,57
11	Tiền Giang	6	158,25	1	20,00	178,25
12	Bắc Ninh	20	82,49	11	88,50	170,99
13	Bà Rịa-Vũng Tàu	11	147,27	2	18,00	165,27
14	Bình Phước	10	60,08	3	22,48	82,56
15	Đà Nẵng	15	57,16	6	23,92	81,08
16	Bến Tre	8	74,88	1	1,55	76,43
17	Long An	30	43,60	10	27,44	71,05
18	Yên Bái	2	63,94	0	0,00	63,94
19	Hải Dương	12	27,29	3	25,02	52,31
20	Đắc Lắc	1	14,70	1	30,00	44,70

*Nguồn: Bộ kế hoạch và đầu tư*

#### 2.1.4. Các đối tác chủ yếu

Trong năm 2008, có 50 quốc gia và vùng lãnh thổ đăng ký đầu tư tại Việt Nam trong năm 2008. Malaysia đứng đầu với 55 dự án, vốn đăng ký hơn 14 tỷ USD. Đài Loan đứng thứ hai, có 12 dự án, vốn đầu tư 8,64 tỷ USD. Nhật Bản đứng thứ ba, có 105 dự án, vốn đầu tư 7,28 tỷ USD.

**Trong năm 2009:** Có 43 quốc gia và vùng lãnh thổ có dự án đầu tư tại Việt Nam, các nhà đầu tư lớn nhất lần lượt là Hoa Kỳ với tổng vốn đăng ký là 9,8 tỷ USD chiếm 45,6% tổng vốn đầu tư vào Việt Nam, Cayman Islands đứng thứ 2 với tổng vốn đăng ký 2,02 tỷ USD chiếm 9,4%, đứng thứ 3 là Samoa với tổng vốn đăng ký 1,7 tỷ USD chiếm 7,9%; Hàn Quốc đứng thứ 4 với 1,66 tỷ USD vốn đăng ký, chiếm 7,7% tổng vốn đầu tư đăng ký.

**Trong năm 2010:** Có 55 quốc gia và vùng lãnh thổ có dự án đầu tư tại Việt Nam. Singapore vươn lên dẫn đầu các nhà đầu tư vào Việt Nam với tổng vốn đầu tư đăng ký cấp mới và tăng thêm là 4,43 tỷ USD chiếm 23,8 % tổng vốn đầu tư vào Việt Nam; Hà Lan đứng thứ 2 với tổng vốn đầu tư đăng ký cấp mới và tăng thêm trên 2,37 tỷ USD, chiếm 12,7% tổng vốn đầu tư tại Việt Nam; Hàn Quốc đứng thứ 3 với tổng vốn đăng ký cấp mới và tăng thêm là 2,36 tỷ USD, chiếm 12,7% tổng vốn đầu tư vào Việt Nam.

**Trong năm 2011:** Đã có 31 quốc gia và vùng lãnh thổ có dự án đầu tư tại Việt Nam. Singapore dẫn đầu với tổng vốn đầu tư đăng ký cấp mới và tăng thêm là 1,132 tỷ USD, chiếm 24,2% tổng vốn đầu tư vào Việt Nam; Hồng Kông đứng vị trí thứ hai với tổng vốn đầu tư đăng ký cấp mới và tăng thêm là 627,03 triệu USD, chiếm 13,4% tổng vốn đầu tư; Trong tháng 5/2011, Hàn Quốc đã vươn lên đứng vị trí thứ 3 với tổng vốn đầu tư đăng ký cấp mới và tăng thêm là 522,89 triệu USD, chiếm 11,2% tổng vốn đầu tư; Tiếp theo là Malaysia đứng ở vị trí thứ 4 với tổng vốn đăng ký cấp mới và tăng thêm là 416,08 triệu USD, chiếm 8,9% tổng vốn đầu tư vào Việt Nam. Nhật Bản đứng thứ 5 với tổng vốn đăng ký cấp mới và tăng thêm là 375,73 triệu USD, chiếm 8% tổng vốn đầu tư vào Việt Nam.

**Trong năm 8 tháng đầu năm 2012:** Với số vốn đầu tư hơn 4,332 tỷ USD, Nhật

Bản đã tạo một khoảng cách khá xa so với các nhà đầu tư khác và trở thành nhà đầu tư

STT	Nhà đầu tư	Số dự án cấp mới	Vốn đăng ký	Số dự án tăng thêm	Vốn đăng ký	Tổng
1	Nhật Bản	174	3.598,49	65	733,65	4.332,14
2	Samoa	4	19,5	2	870,3	889,8
3	Hàn Quốc	136	391,81	45	262,91	654,72
4	Singapore	60	420,67	25	102,62	523,29
5	BritishVirginIslands	13	30,47	10	484,12	514,59
6	Hồng Kông	23	418,55	9	88,93	507,48
7	Trung Quốc	38	197,25	9	29,99	227,24
8	Đài Loan	31	87,03	29	118,86	205,88

nhiều nhất vào Việt Nam (chiếm hơn 51,1% tổng vốn đầu tư vào Việt Nam).

Dưới đây là 10 nhà đầu tư nước ngoài nhiều nhất vào Việt Nam 8 tháng đầu năm 2012:

*Đơn vị tính: Triệu USD*

*Nguồn: Bộ kế hoạch và đầu tư*

**Bảng 4: 8 nhà đầu tư nước ngoài nhiều nhất vào Việt Nam 8 tháng năm 2012**

## **2.2 ĐÁNH GIÁ ĐÓNG GÓP CỦA ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI ĐẾN SỰ PHÁT TRIỂN CỦA KINH TẾ**

### **2.2.1 Mặt tích cực**

Khu vực kinh tế có vốn Đầu tư nước ngoài (ĐTNN) ngày càng khẳng định vai trò quan trọng trong nền kinh tế Việt Nam, là khu vực có tốc độ phát triển năng động.


#### **2.2.1.1 Về kinh tế**

✚ *ĐTNN là nguồn vốn bổ sung quan trọng cho vốn đầu tư đáp ứng nhu cầu đầu tư phát triển xã hội và tăng trưởng kinh tế.*

- Đóng góp của ĐTNN trong tổng vốn đầu tư xã hội có biến động lớn. Năm 2008 tuy 3/4 thời gian thực hiện chính sách thắt chặt tiền tệ và 1/4 thời gian bị tác động của khủng hoảng kinh tế thì khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 189,9 nghìn tỷ đồng tăng 46,9% và chiếm 29,8% tổng vốn đầu tư của xã hội. Trong năm 2010, ước tính các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài đã giải ngân được 11 tỷ USD, tăng 10% so với cùng kỳ năm 2009. Trong đó, giải ngân của các nhà đầu tư nước ngoài ước đạt 8 tỷ USD.

Trong 11 tháng đầu năm 2012, các nhà đầu tư nước ngoài đã đăng ký đầu tư vào Việt Nam 12,18 tỷ USD, bằng 78,6% so với cùng kỳ 2011.

- Vốn ĐTNN đã góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế đất nước. Năm 2008, tốc độ tăng bình quân của GDP đạt 6,23% (nông lâm ngư nghiệp tăng 3,79%; công nghiệp xây dựng tăng 6,33%, dịch vụ tăng 7,2%). Tính chung cả năm 2009, tổng sản phẩm trong nước tăng (GDP) 5,32% so với năm 2008 (Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 1,83%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 5,52%; khu vực dịch vụ tăng 6,63%). Năm 2010, tốc độ tăng bình quân của GDP đạt 6,78% và năm 2011 đạt 5,89%. Năm 2012, tốc độ tăng trưởng kinh tế vẫn nghiêng hướng khoảng 6%.

 *ĐTNN góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động, nâng cao năng lực sản xuất công nghiệp*

- Từ năm 1986 đến nay, ĐTNN đóng một vai trò quan trọng cho sự tăng trưởng của nền kinh tế nói chung và cho ngành công nghiệp nói riêng, trong đó từng bước trở thành nguồn đầu tư quan trọng của Quốc gia, góp phần phát triển các ngành công nghiệp và tạo công ăn việc làm cho người lao động. Nhiều công trình lớn đã hoàn thành đưa vào sản xuất, phát huy hiệu quả đầu tư, nhiều công trình trọng điểm làm cơ sở cho tăng trưởng giai đoạn sau đó được khởi công và đẩy nhanh tiến độ, nhất là các công trình điện, dầu khí, công nghiệp nặng, công nghiệp phục vụ xuất khẩu...


- Tốc độ tăng trưởng công nghiệp của khu vực kinh tế có vốn ĐTNN cao hơn mức tăng trưởng công nghiệp chung của cả nước, góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH, HĐH), tăng tỷ trọng của khu vực kinh tế có vốn ĐTNN trong ngành công nghiệp qua các năm.

- ĐTNN đã tạo ra nhiều ngành công nghiệp mới và tăng cường năng lực của nhiều ngành công nghiệp như dầu khí, công nghệ thông tin, hóa chất, ô tô, xe máy, thép, điện tử và điện tử gia dụng, công nghiệp chế biến nông sản thực phẩm, da giày, dệt may... Hiện ĐTNN đóng góp 100% sản lượng của một số sản phẩm công nghiệp (dầu khí, thiết bị máy tính, máy giặt, điều hòa), 60% cán thép, 33% hàng điện tử, 76% dụng cụ y tế chính xác, 49% sản phẩm da giày, 55% sản lượng sợi, 25% hàng may mặc.

- Cơ cấu lao động theo ngành kinh tế đã chuyển dịch theo hướng tích cực, trong tổng số lao động tăng thêm từ 1990 – 2009 (15.634.9 nghìn người): Nhóm ngành Nông - Lâm - Ngư nghiệp - Thủy sản đã thu hút thêm 2.148,7 nghìn người, chiếm

13,8% tổng số tăng. Nhóm ngành công nghiệp xây dựng đã thu hút thêm 6.079,8 người chiếm 38,9% tổng số tăng. Nhóm ngành dịch vụ thu hút thêm 7.396,4 nghìn người, chiếm 47,3 tổng số tăng


- Do năng suất lao động của nhóm ngành Công nghiệp - Xây dựng (62.924 nghìn đồng/người) và nhóm ngành dịch vụ (46.849 nghìn đồng/người) nên con đường chuyển dịch cơ cấu lao động theo ngành, rút bớt lao động nhóm ngành Nông - Lâm - Ngư nghiệp - Thủy sản sang làm Công nghiệp - Xây dựng và dịch vụ là con đường nâng cao năng suất lao động chung và cũng là con đường cải thiện mức sống dân cư, giảm tỷ lệ nghèo...

 *Đầu tư trực tiếp nước ngoài thúc đẩy chuyển giao công nghệ:*

- ĐTNN góp phần thúc đẩy chuyển giao công nghệ tiên tiến vào Việt Nam, phát triển một số ngành kinh tế quan trọng của đất nước như viễn thông, thăm dò và khai thác dầu khí, hoá chất, cơ khí chế tạo điện tử, tin học, ô tô, xe máy... Nhất là sau khi Tập đoàn Intel đầu tư 1 tỷ đô la Mỹ vào Việt Nam trong dự án sản xuất linh kiện điện tử cao cấp, đã gia tăng số lượng các dự án đầu tư vào lĩnh vực công nghệ cao của các tập đoàn đa quốc gia (Canon, Panasonic, Ritech.v.v)

- Nhìn chung, trình độ công nghệ của khu vực ĐTNN cao hơn hoặc bằng các thiết bị tiên tiến đã có trong nước và tương đương các nước trong khu vực. Hầu hết các doanh nghiệp có vốn ĐTTNN áp dụng phương thức quản lý tiên tiến, được kết nối và chịu ảnh hưởng của hệ thống quản lý hiện đại của công ty mẹ.

- Trong Nông - Lâm - Ngư nghiệp, ĐTNN đã tạo ra một số sản phẩm mới có hàm lượng kỹ thuật cao và các cây, con giống mới.

 *Tác động lan tỏa của đầu tư trực tiếp nước ngoài đến các thành phần kinh tế khác trong nền kinh tế:*

- Hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp ĐTNN được nâng cao qua số lượng các doanh nghiệp tăng vốn đầu tư, mở rộng quy mô sản xuất. Đồng thời, có tác động lan tỏa đến các thành phần khác của nền kinh tế thông qua sự liên kết giữa doanh nghiệp có vốn ĐTNN với các doanh nghiệp trong nước, công nghệ và năng lực kinh doanh được chuyển giao từ doanh nghiệp có vốn ĐTNN. Sự lan tỏa này có thể theo hàng dọc giữa các doanh nghiệp trong ngành dọc hoặc theo hàng ngang giữa các doanh nghiệp hoạt động cùng ngành. Mặt khác, các doanh nghiệp ĐTNN cũng tạo động lực cạnh tranh của các doanh nghiệp trong nước nhằm thích ứng trong bối cảnh toàn cầu hóa.



✚ *Đầu tư trực tiếp nước ngoài đóng góp đáng kể vào ngân sách nhà nước và các cân đối vĩ mô:*

- Cùng với sự phát triển các doanh nghiệp có vốn ĐTNN tại Việt Nam, mức đóng góp của khu vực kinh tế có vốn ĐTNN vào ngân sách ngày càng tăng. Thời kỳ 1996-2000, không kể thu từ dầu thô, các doanh nghiệp ĐTNN đã nộp ngân sách đạt 1,49 tỷ USD, gấp 4,5 lần 5 năm trước. Trong 5 năm 2001-2005, thu ngân sách trong khối doanh nghiệp ĐTNN đạt hơn 3,6 tỷ USD, tăng bình quân 24%/năm. Riêng 2 năm 2006 và 2007 khu vực kinh tế có vốn ĐTNN đã nộp ngân sách đạt trên 3 tỷ USD (năm 2007 hơn 1,5 tỷ USD), gấp đôi thời kỳ 1996-2000 và bằng 83% thời kỳ 2001-2005.
- ĐTNN tác động tích cực đến các cân đối lớn của nền kinh tế như cân đối ngân sách, cải thiện cán cân vãng lai, cán cân thanh toán quốc tế thông qua việc chuyển vốn vào Việt Nam và mở rộng nguồn thu ngoại tệ gián tiếp qua khách quốc tế, tiền thuê đất, tiền mua máy móc và nguyên, vật liệu...

✚ *Đầu tư trực tiếp nước ngoài góp phần giúp Việt Nam hội nhập sâu rộng vào đời sống kinh tế quốc tế:*

- Tốc độ tăng kim ngạch xuất khẩu của khu vực ĐTNN tăng nhanh, cao hơn mức bình quân chung của cả nước, đóng góp quan trọng vào việc gia tăng kim ngạch xuất khẩu của cả nước. ĐTNN chiếm một tỷ trọng cao trong xuất khẩu một số sản phẩm: 100% dầu khí, 84% hàng điện tử, máy tính và linh kiện, 42% sản phẩm da giày, 35% hàng may mặc... Thông qua mạng lưới tiêu thụ của các tập đoàn xuyên quốc gia, nhiều sản phẩm sản xuất tại Việt Nam đã tiếp cận được với các thị trường trên thế giới.
- Trong lĩnh vực khách sạn và du lịch, ĐTNN đã tạo ra nhiều khách sạn cao cấp đạt tiêu chuẩn quốc tế 4, 5 sao cũng như các khu du lịch, nghỉ dưỡng đáp ứng nhu cầu khách du lịch quốc tế, góp phần gia tăng nhanh chóng xuất khẩu tại chỗ.
- Bên cạnh đó, ĐTNN còn góp phần đưa nền kinh tế nước ta từng bước hội nhập với kinh tế thế giới, đặc biệt trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng.

### **2.2.1.2 Về xã hội**


✚ *Đầu tư trực tiếp nước ngoài góp phần quan trọng trong việc tạo việc làm, tăng năng suất lao động, cải thiện nguồn nhân lực:*

- Đến nay, khu vực có vốn ĐTNN đã tạo ra việc làm cho trên 1,7 triệu lao động trực tiếp và hàng triệu lao động gián tiếp khác theo kết quả điều tra của World Bank cứ 1 lao động trực tiếp sẽ tạo việc làm cho từ 2-3 lao động gián tiếp phục vụ trong khu



vực dịch vụ và xây dựng, góp phần nâng cao phúc lợi xã hội, cải thiện đời sống một bộ phận trong cộng đồng dân cư, đưa mức GDP đầu người tăng lên hàng năm. Thông qua sự tham gia trực tiếp vào hoạt động của các doanh nghiệp có vốn ĐTNN, Việt Nam đã từng bước hình thành đội ngũ cán bộ quản lý, công nhân kỹ thuật có trình độ cao, có tay nghề, từng bước tiếp cận được với khoa học, kỹ thuật, công nghệ cao và có tác phong công nghiệp hiện đại, có kỷ luật lao động tốt, học hỏi được các phương thức, kinh nghiệm quản lý tiên tiến.

- Hoạt động của các doanh nghiệp có vốn ĐTNN tại Việt Nam cũng đã thúc đẩy các doanh nghiệp trong nước không ngừng đổi mới công nghệ, phương thức quản lý để nâng cao hơn chất lượng, sức cạnh tranh của sản phẩm và dịch vụ trên thị trường trong nước và quốc tế. Đặc biệt, một số chuyên gia Việt Nam làm việc tại các doanh nghiệp có vốn ĐTNN đã dần thay thế các chuyên gia nước ngoài trong đảm nhiệm các vị trí quản lý doanh nghiệp cũng như điều khiển các quy trình công nghệ hiện đại.

 *Đầu tư trực tiếp nước ngoài góp phần mở rộng quan hệ đối ngoại, chủ động hội nhập kinh tế với khu vực và thế giới:*

- ĐTNN đã góp phần quan trọng trong việc xóa bỏ cấm vận của Hoa Kỳ đối với Việt Nam, tạo điều kiện mở rộng quan hệ kinh tế quốc tế theo hướng đa phương hóa và đa dạng hóa, thúc đẩy Việt Nam chủ động hội nhập kinh tế khu vực và thế giới, đẩy nhanh tiến trình tự do hoá thương mại và đầu tư. Đến nay, Việt Nam là thành viên chính thức của ASEAN, APEC, ASEM và WTO. Nước ta cũng đã ký kết 51 Hiệp định khuyến khích và bảo hộ đầu tư, trong đó có Hiệp định thương mại Việt Nam-Hoa Kỳ (BTA), Hiệp định tự do hoá, khuyến khích và bảo hộ đầu tư với Nhật Bản. Thông qua tiếng nói và sự ủng hộ của các nhà đầu tư nước ngoài, hình ảnh và vị thế của Việt Nam không ngừng được cải thiện.

### **2.2.1.3 Về môi trường**

- Theo kết quả điều tra năm 2002 (của Viện Quản lý kinh tế trung ương), đa số (chứ không phải toàn bộ) các doanh nghiệp có vốn ĐTNN tuân thủ các tiêu chuẩn môi trường Việt Nam và có kết quả môi trường tốt hơn so với số đông các doanh nghiệp trong nước (có 77% doanh nghiệp có kết quả về các thông số gây ô nhiễm môi trường thấp hơn tiêu chuẩn cho phép của Việt Nam). Đáng chú ý là 60% doanh nghiệp ĐTNN trong lĩnh vực chế biến thực phẩm đã lắp đặt thiết bị xử lý nước thải đúng tiêu chuẩn (so sánh với tỷ lệ 10% của các doanh nghiệp trong nước).

## 2.2.2 Mặt tiêu cực:

### 2.2.2.1 Hiện tượng chuyển giá của các doanh nghiệp FDI

Năm 2009 toàn quốc có 1.358 doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài FDI đang hoạt động thì có 56% doanh nghiệp báo cáo làm ăn thua lỗ. Các doanh nghiệp này hầu hết có các công ty mẹ tại nước ngoài, 99% hàng sản xuất ra xuất khẩu sang nước thứ ba. Do lỗ nên các doanh nghiệp này không nộp thuế. Ví dụ có doanh nghiệp thuộc quận Bình Tân, TP.HCM năm 2008 lỗ 2.668 tỷ đồng; năm 2009 lỗ 2.654 tỷ đồng. Có điều lạ là lỗ như vậy nhưng doanh nghiệp này vẫn mở rộng sản xuất, năm sau cao hơn năm trước. Có thể khá dễ dàng nhận thấy đây là hình thức chuyển giá để trốn thuế. Cụ thể nguyên liệu đầu vào nhập từ các công ty mẹ với giá cao ngất ngưỡng; hàng đầu ra xuất sang các nước có thuế suất thấp nên báo cáo lỗ ở công ty con nhưng lãi cực lớn ở công ty mẹ

Năm 2010. Một trong những doanh nghiệp FDI lợi dụng chuyển giá đã bị ngành thuế Lâm Đồng phát hiện, và chính từ sự kiện này đã đánh lên hồi chuông cảnh báo về thực trạng chuyển giá của các doanh nghiệp FDI trong những năm gần đây. Tại Lâm Đồng, tổ khảo sát đã khảo sát tất cả các hồ sơ khai thuế, đồng thời sử dụng mọi biện pháp nghiệp vụ để thu thập thông tin liên quan... Sau đó sàng lọc, nghiên cứu từng hồ sơ, hợp đồng xuất khẩu, báo cáo kế toán của từng doanh nghiệp FDI để so sánh với các doanh nghiệp trong nước có cùng lĩnh vực kinh doanh. Việc kiểm tra đã phát hiện ra rằng, giá xuất khẩu của doanh nghiệp FDI luôn thấp hơn rất nhiều so với giá thành sản xuất. Một cán bộ thanh tra của ngành thuế tỉnh Lâm Đồng cho biết, sau khi chế biến ra trà thành phẩm, các doanh nghiệp đóng gói xuất sang Đài Loan với giá chỉ từ 2,8 đến 4 USD/kg, trong khi chi phí sản xuất 1 kg trà thành phẩm là 8 - 9 USD/kg. Sau khi chuyển về công ty mẹ, sản phẩm trà được phân nhỏ rồi mới gắn nhãn mác và bán với giá bao nhiêu thì không rõ. Qua điều tra, chính các doanh nghiệp cũng thừa nhận, giá xuất khẩu thực tế là từ 5,5 đến 11,6 USD/kg (gấp 2 - 3 lần so với báo cáo). Với kết quả như vậy, ngành thuế tỉnh đã xác định, từ năm 2005 đến nay, các doanh nghiệp FDI kể trên đã kinh doanh có lãi và năm 2010 là thời điểm hết hạn miễn thuế thu nhập doanh nghiệp, nên các doanh nghiệp phải kê khai nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (được khấu trừ 50% thuế thu nhập doanh nghiệp theo chính sách ưu đãi cho 4 năm tiếp theo). Các doanh nghiệp này đã chấp nhận và đồng tình thực hiện. Theo Cục Thuế Lâm Đồng, thông qua kiểm tra, hướng dẫn 17 doanh nghiệp FDI trong ngành chè, đã xử lý hết số

lỗ lũy kế trong hạn chuyển lỗ đến hết ngày 31/12/2009 là trên 316,5 tỷ đồng, trong đó, Công ty TNHH HaiYih xử lý lỗ lũy kế với số tiền là 63,6 tỷ đồng, Công ty TNHH Trà Kinh Lộ 56,8 tỷ đồng, Công ty TFP Việt Nam 47,9 tỷ đồng... đồng thời các doanh nghiệp này cũng đã kê khai và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với số tiền gần 8 tỷ đồng

Số liệu từ Bộ Tài chính cho biết, hiện đến năm 2011 có đến 20- 30% trong tổng số doanh nghiệp FDI đang hoạt động trên kê khai có kết quả kinh doanh lỗ liên tiếp trong 2- 3 năm, thậm chí 5 năm. Rõ ràng, theo các quy định hiện hành, với tình trạng kinh doanh thua lỗ, doanh nghiệp đó sẽ tránh được việc nộp thuế. Dễ dàng để nhận ra đó là chuyển giá nhưng kiểm soát thì lại là một vấn đề khó khăn. Ông Thomas McClelland, chuyên gia thuế của Công ty kiểm toán Deloitte Việt Nam cho biết, khó khăn của cơ quan thuế tại Việt Nam trong việc thực hiện kiểm soát về chuyển giá bắt nguồn từ sự kém hiểu biết về hoạt động chuyển giá và sự thiếu dữ liệu trong những giao dịch chuyển giá của các doanh nghiệp FDI. Mặc dù Thông tư 117/2005/TT- BTC của Bộ Tài chính ban hành vào tháng 12/2005 đã có những quy định cơ bản về thủ thuật chuyển giá và những yêu cầu về mặt cung cấp tài liệu, nhưng ông McClelland cho rằng, nhiều người nộp thuế vẫn lơ đi những yêu cầu này và thậm chí, chỉ nộp những tài liệu bắt buộc đối với việc báo cáo về những giao dịch với các bên liên quan

#### ***2.2.2.2 Chuyển giao công nghệ lạc hậu***

- Do thiếu kinh nghiệm một số tỉnh đã để nhiều nhà đầu tư nước ngoài (chủ yếu là Đài Loan) tranh thủ đưa vào các dự án công nghệ đơn giản, lạc hậu, tận dụng lực lượng lao động giá rẻ tại chỗ (Công ty Wei Xern Sin Industrial Đà Nẵng).
- Lợi dụng sự chạy đua thu hút vốn FDI của các địa phương, nhiều DN FDI cố tình nhập khẩu công nghệ lỗi thời về sản xuất ở Việt Nam. Điều này không chỉ khiến chúng ta lạc hậu về khoa học kỹ thuật mà còn gây tác hại lâu dài cho môi trường, điều kiện sống sau này. Chính sự "nhắm mắt làm ngơ", dễ dãi của các địa phương đối với các DN FDI, đã khiến Việt Nam trở thành điểm đến cho những dự án "xuất khẩu" ô nhiễm của các nước phát triển. Do đó, không ít dự án gây ô nhiễm môi trường kéo dài, ảnh hưởng đến môi trường đầu tư, môi trường sinh thái và cuộc sống của người dân.
- FDI ảnh hưởng tới đa dạng sinh thái. Bên cạnh những đóng góp quan trọng cho ngành Du lịch Việt Nam thì sự đầu tư quá lớn và liên tục gia tăng trong những năm gần đây đã đặt môi trường tự nhiên Việt Nam trước những thách thức lớn. Nguy cơ

ảnh hưởng xấu đến đa dạng sinh học, tài nguyên nước, thủy sản, khí hậu và gia tăng ô nhiễm các lưu vực sông. Các khu công nghiệp mở rộng làm diện tích rừng bị thu hẹp, cuộc sống, nơi cư trú của các động vật hoang dã, thực vật đã bị xáo trộn, phá hủy. Trong khi đó, vấn đề bảo vệ tốt môi trường vẫn đang là thách thức lớn đối với Việt Nam hiện nay.

### ***2.2.2.3 Phân cấp quản lý cho các địa phương:***

- Trước hết, phải khẳng định rằng, chủ trương phân cấp quản lý FDI đã có tác động tích cực đến tính chủ động của chính quyền các tỉnh, thành phố trong hoạt động xúc tiến đầu tư, cải thiện môi trường đầu tư, giảm thiểu phiền hà và tiết kiệm thời gian và chi phí đầu tư cho nhà đầu tư. Tuy nhiên, cũng phải thấy rằng, quá trình thực hiện cơ chế phân cấp thời gian qua cũng đã nảy sinh nhiều bất cập. Tư duy nhiệm kỳ khiến nhiều địa phương chạy đua thu hút đầu tư bằng mọi giá, gây phá vỡ quy hoạch ngành, quy hoạch vùng, làm mất cân đối nguồn lực. Chưa kể, việc cấp chứng nhận đầu tư mà không chú ý tới chất lượng, hiệu quả, trong khi lại chưa coi trọng công tác kiểm tra, giám sát, dẫn đến tình trạng nhiều dự án đã được cấp phép, nhưng không triển khai theo đúng tiến độ, gây lãng phí nguồn lực.

- Bên cạnh đó, cũng có tình trạng việc tiếp xúc, lựa chọn nhà đầu tư chưa thận trọng, nên một số nhà đầu tư dù không đủ năng lực tài chính, nhưng vẫn được cấp chứng nhận đầu tư dự án hàng trăm triệu USD để bán lại, làm méo mó thị trường, sai lệch thông tin và cản trở cơ hội của các nhà đầu tư chân chính...

- Lãnh đạo địa phương chưa khai thác tốt lợi thế của từng tỉnh, thành phố gắn với lợi thế từng vùng lãnh thổ, chưa tạo ra sự khác biệt trong cơ cấu vốn FDI. KCN trên địa bàn cả nước hầu như cùng một dạng, cũng may mặc, giày da, chế biến thức ăn gia súc, điện tử, đồ dùng gia đình. Một số địa phương đã ban hành và thực hiện các quy định về ưu đãi đầu tư trái pháp luật làm tổn hại lợi ích chung của đất nước.

- Năng lực thẩm định của cán bộ một số địa phương đối với dự án FDI lớn rất hạn chế, nên đã xảy ra tình trạng cấp phép mà không đảm bảo các điều kiện cần thiết, thậm chí cùng thời gian đã có các dự án xi măng, sắt thép quy mô lớn được nhiều địa phương cấp phép, không phù hợp với quy hoạch ngành và vùng lãnh thổ.

### ***2.2.2.4 Mất cân đối giữa các ngành, lĩnh vực trong nền kinh tế:***

- FDI thường tập trung vào những ngành có khả năng sinh lợi cao như khai thác tài nguyên khoáng sản, dầu khí, công nghiệp nặng,... Trong khi những ngành như

nông nghiệp lại thu hút được rất ít nguồn FDI. Điều này, dẫn tới sự mất cân đối giữa các ngành, các lĩnh vực trong nền kinh tế. Theo báo cáo của Cục Đầu tư nước ngoài (Bộ Kế hoạch và Đầu tư) cho biết, 11 tháng đầu năm 2012 lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo thu hút được nhiều sự quan tâm của nhà đầu tư nước ngoài với 258 dự án đầu tư đăng ký mới, tổng số vốn cấp mới và tăng thêm là 5,50 tỷ USD, chiếm 68,5% tổng vốn đầu tư đăng ký.

- Lĩnh vực kinh doanh bất động sản đứng thứ 2 với 7 dự án đầu tư đăng ký mới, tổng vốn đầu tư cấp mới và tăng thêm là 1,61 tỷ USD, chiếm 20,1% vốn đầu tư. Đứng thứ 3 là lĩnh vực bán buôn bán lẻ, sửa chữa, với 102 dự án đăng ký mới, tổng vốn đầu tư cấp mới và tăng thêm đạt 314,2 triệu USD, chiếm 3,9%. Tiếp theo là lĩnh vực vận tải, kho bãi; y tế và trợ giúp xã hội với tổng số vốn đăng ký cấp mới và tăng thêm là 198,1 triệu và 83,8 triệu USD. Nguyên nhân chủ yếu khiến cho FDI đổ vào lĩnh vực nông nghiệp hết sức ẽo uột là do chúng ta chưa có cơ chế hỗ trợ hợp lý, rõ ràng đối với các ngành nông nghiệp để tạo sự hấp dẫn cho các nhà đầu tư nước ngoài. Thêm vào đó là thời gian thu hồi vốn khi đầu tư vào các ngành này là khá lâu và khả năng thu hồi vốn là khá khó khăn dẫn đến việc e ngại của các nhà đầu tư.

#### **2.2.2.5 Tạo áp lực cạnh tranh:**

- Sự xuất hiện của dòng vốn FDI tạo áp lực cạnh tranh lớn đối với doanh nghiệp trong nước. Sức ép cạnh tranh có tác động hai mặt, thứ nhất làm đối thủ cạnh tranh yếu hơn có nguy cơ bị thu hẹp thị phần, giảm sản xuất, thậm chí phải rút lui khỏi thị trường. Đây là mặt tiêu cực của cạnh tranh.

- Tuy nhiên, cạnh tranh lại kích thích các đối thủ tự đầu tư đổi mới để vươn lên đứng vững trên thị trường, từ đó năng lực sản xuất được cải thiện. Nhưng chúng ta cũng cần có cái nhìn khách quan là hạn chế này có nguồn gốc sâu xa là do năng lực quản lý, điều hành kinh doanh của các doanh nghiệp nội địa quá yếu kém, các nhà quản lý chưa vươn được đến tầm quốc tế để có cái nhìn xa hơn mà chỉ thấy được lợi ích trước mắt nên việc bị các doanh nghiệp FDI lợi dụng rồi "hắt cẳng" là chuyện tất yếu. Điển hình như trường hợp CocaCola liên kết với Chương Dương rồi chìm chết Chương Dương cách đây nhiều năm là một ví dụ rõ nét.

#### **2.2.2.6 Rửa tiền**

- Xuất hiện nguy cơ rửa tiền. Theo cảnh báo của WB thì Việt Nam sẽ bị các tổ chức rửa tiền quốc tế chọn làm mục tiêu vì hệ thống thanh tra, giám sát, hệ thống kế

toán và tìm hiểu khách hàng ở nước ta còn kém phát triển, mức độ sử dụng tiền mặt và các luồng chuyển tiền không chính thức còn cao. Bên cạnh đó, Việt Nam đang trên con đường mở cửa kinh tế và được đánh giá là nền kinh tế có tính chất mở hàng đầu thế giới. Việc kiểm soát lỏng lẻo các dòng tiền vào ra đã tạo điều kiện thuận lợi để tội phạm thực hiện hoạt động rửa tiền. Nguồn vốn FDI có thể là một kênh thuận lợi cho việc tổ chức hoạt động rửa tiền. Các tổ chức phi pháp có thể tiến hành đầu tư vào nước ta với hình thức doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài nhưng thực chất không phải để hoạt động mà nhằm hợp pháp hóa các khoản tiền bất hợp pháp. Điển hình như vụ Nguyễn Đức Chi đầu tư vào các dự án tại Khánh Hòa thông qua Công ty Russaka - Invest để rửa tiền từ hoạt động phạm tội tại Nga, lợi dụng danh nghĩa công ty để lừa đảo, đưa hối lộ; vụ Lê Thị Mai đầu tư tiền từ hoạt động ma túy vào các dự án của Công ty Viet Can Resorts & Plannation; Vụ Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam đã nhận được email từ một số doanh nhân Nigeria yêu cầu mở tài khoản 28 triệu USD, hứa hẹn sẽ chi lại 15% tổng số tiền...

- Tuy nhiên, cho đến nay tại Việt Nam chưa có vụ án rửa tiền nào bị khởi tố điều tra mà hành vi rửa tiền chỉ bị phanh phui, xử lý như một trong tổng thể các hành vi phạm tội của một vụ án. Bởi hoạt động rửa tiền diễn ra hết sức tinh vi, đa dạng, bọn tội phạm sử dụng các hoạt động nghiệp vụ kinh tế như tài chính, kế toán, ngân hàng nên rất khó bị phát hiện. Thêm vào đó là những doanh nghiệp Việt Nam quá ham mê chạy theo mức lợi nhuận “khủng” hứa hẹn sẽ có được mà không biết tinh táo suy xét cẩn thận trong quá trình hợp tác, đầu tư.

#### ***2.2.2.7 Mâu thuẫn giữa chủ doanh nghiệp với người lao động:***

- Có tới 70% số vụ đình công, bãi công xảy ra ở doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) và chủ yếu tập trung ở các doanh nghiệp da giày, may mặc.

- Khảo sát 2011 của Viện Công nhân và Công đoàn cho thấy, chỉ có khoảng 60% số hợp đồng làm việc với công ty có vốn FDI trực tiếp là tuân theo đúng luật Việt Nam. Nguyên nhân của các vụ tranh chấp lao động và đình công này đều bắt nguồn từ chế độ lương thưởng của người lao động. Theo Phó Chủ tịch Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam Mai Đức Chính, số vụ đình công bắt nguồn từ những bất cập trong vấn đề lương thưởng chiếm khoảng 80% số vụ đình công diễn ra trong nửa năm qua. Nhà nước đã đặt ra mức lương tối thiểu nhưng nhiều doanh nghiệp đã lợi dụng quy định đó để trả lương cho người lao động ở mức thấp.



- Qua khảo sát của Viện Công nhân và Công đoàn, khu vực doanh nghiệp FDI cũng là khu vực vi phạm pháp luật lao động nhiều nhất. Điển hình làm thêm giờ quá nhiều. Trong khi đó, vai trò của tổ chức công đoàn ở nhiều địa phương và doanh nghiệp còn rất mờ nhạt. Cũng theo kết quả thống kê của Viện công nhân và Công đoàn cách đây 1 năm thì bình quân tiền lương của người lao động trong doanh nghiệp FDI là 1,82 triệu đồng/tháng, trong khi doanh nghiệp tư nhân là 1,98 triệu đồng/tháng và doanh nghiệp nhà nước có mức lương cao nhất là 2,25 triệu đồng/tháng. Khảo sát này cũng cho thấy, mức lương của người lao động ở từng vị trí công việc có sự chênh lệch rất lớn, đặc biệt là trong khu vực doanh nghiệp FDI. Trong khi mức lương bình quân phân theo chức danh công việc, cấp quản lý hơn 3,1 triệu đồng/tháng thì người lao động trực tiếp chỉ hơn 1,6 triệu đồng/tháng. Khảo sát chỉ ra rằng, mức độ hài lòng của người lao động về tiền lương hiện tại chỉ chiếm có 3,9%, trong khi mức không hài lòng chiếm tới 50,9%. Về thu nhập, mức độ hài lòng cũng chỉ chiếm 6,3% với việc làm hiện tại và có tới 30,9% người lao động không hài lòng.

#### ***2.2.2.8 Phụ thuộc về kinh tế đối với các nước nhận đầu tư***

- Đầu tư trực tiếp nước ngoài thường được chủ yếu do các công ty xuyên quốc gia, đã làm nảy sinh nỗi lo rằng các công ty này sẽ tăng sự phụ thuộc của nền kinh tế của nước nhận đầu tư vào vốn, kỹ thuật và mạng lưới tiêu thụ hàng hóa của các công ty xuyên quốc gia. Đầu tư trực tiếp nước ngoài có đóng góp phần vốn bổ sung quan trọng cho quá trình phát triển kinh tế và thực hiện chuyển giao công nghệ cho các nước nhận đầu tư. Đồng thời cũng thông qua các công ty xuyên quốc gia là những bên đối tác nước ngoài để chúng ta có thể tiêu thụ hàng hóa vì các công ty này nắm hầu hết các kênh tiêu thụ hàng hóa từ nước này sang nước khác. Vậy nếu càng dựa nhiều vào đầu tư trực tiếp nước ngoài, thì sự phụ thuộc của nền kinh tế vào các nước công nghiệp phát triển càng lớn. Và nếu nền kinh tế dựa nhiều vào đầu tư trực tiếp nước ngoài thì sự phát triển của nó chỉ là một phồn vinh giả tạo. Sự phồn vinh có được bằng cái của người khác.

#### ***2.2.2.9 Chi phí cho thu hút FDI và sản xuất hàng hóa không thích hợp***

##### ***✚ Chi phí của việc thu hút FDI***

- Để thu hút FDI, các nước nhận đầu tư phải áp dụng một số chính sách ưu đãi cho các nhà đầu tư như giảm thuế hoặc miễn thuế trong một thời gian khá dài cho phần lớn các dự án đầu tư nước ngoài. Hoặc việc giảm tiền cho việc thuê đất, nhà xưởng và



một số các dịch vụ trong nước là rất thấp so với các nhà đầu tư trong nước. Hay trong một số lĩnh vực họ được Nhà nước bảo hộ thuế quan.... Và như vậy đôi khi lợi ích của nhà đầu tư có thể vượt lợi ích mà nước chủ nhà nhận được. Thế mà, các nhà đầu tư còn tính giá cao hơn mặt bằng quốc tế cho các yếu tố đầu vào (như các nguyên vật liệu, bán thành phẩm, máy móc thiết bị mà họ nhập vào để thực hiện đầu tư). Việc làm này mang lại nhiều lợi ích cho các nhà đầu tư chẳng hạn như trốn được thuế, hoặc giấu được một số lợi nhuận thực tế mà họ kiếm được. Từ đó hạn chế cạnh tranh của các nhà đầu tư khác xâm nhập vào thị trường. Ngược lại, điều này lại gây chi phí sản xuất cao ở nước chủ nhà và nước chủ nhà phải mua hàng hóa do các nhà đầu tư nước ngoài sản xuất với giá cao hơn.

- Tuy nhiên việc tính giá cao chỉ xảy ra khi nước chủ nhà thiếu thông tin, trình độ kiểm soát, trình độ quản lý, trình độ chuyên môn yếu, hoặc các chính sách của nước đó còn nhiều khe hở khiến cho các nhà đầu tư có thể lợi dụng được.

#### **✚ Sản xuất hàng hóa không thích hợp:**

- Các nhà đầu tư còn bị lên án là sản xuất và bán hàng hóa không thích hợp cho các nước kém phát triển, thậm chí đôi khi còn lại là những hàng hóa có hại cho khỏe con người và gây ô nhiễm môi trường. Ví dụ như khuyến khích dùng thuốc lá, thuốc trừ sâu, nước ngọt có ga thay thế nước hoa quả tươi, chất tẩy thay thế xà phòng vv...

#### **✚ Những mặt trái khác**

- Trong một số các nhà đầu tư không phải không có trường hợp hoạt động tình báo, gây rối an ninh chính trị. Thông qua nhiều thủ đoạn khác nhau theo kiểu “diễn biến hòa bình”. Có thể nói rằng sự tấn công của các thế lực thù địch nhằm phá hoại ổn định về chính trị của nước nhận đầu tư luôn diễn ra dưới mọi hình thức tinh vi và xảo quyệt. Trường hợp chính phủ Xanvado Agiende ở Chile bị giật dây lật đổ năm 1973 là một ví dụ về sự can thiệp của các công ty xuyên quốc gia ITT (công ty viễn thông và điện tín quốc tế) và chính phủ Mỹ can thiệp công việc nội bộ của Chile.

- Mặt khác, mục đích của các nhà đầu tư là kiếm lời, nên họ chỉ đầu tư vào những nơi có lợi nhất. Vì vậy khi lượng vốn nước ngoài đã làm tăng thêm sự mất cân đối giữa các vùng, giữa nông thôn và thành thị. Sự mất cân đối này có thể gây ra mất ổn định về chính trị.

- Những mặt trái của FDI không có nghĩa là phủ nhận những lợi thế cơ bản của nó mà chúng ta chỉ lưu ý rằng không nên quá hy vọng vào FDI và cần phải có

những chính sách, những biện pháp kiểm soát hữu hiệu để phát huy những mặt tích cực, hạn chế những mặt tiêu cực của FDI. Bởi vì mức độ thiệt hại của FDI gây ra cho nước chủ nhà nhiều hay ít lại phụ thuộc rất nhiều vào chính sách, năng lực, trình độ quản lý, trình độ chuyên môn của nước nhận đầu tư.

## KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Trong chương 2, nhóm tác giả đã phân tích thực trạng đầu tư nước ngoài FDI tại Việt Nam từ năm 2008 đến cuối năm 2012 qua các chỉ tiêu như: số lượng và quy mô dự án, lĩnh vực đầu tư, vùng nhận đầu tư cũng như các nhà đầu tư chủ yếu. Dựa vào đó, nhóm tác giả tiếp tục đánh giá điểm mạnh, điểm yếu và ảnh hưởng của đầu tư nước ngoài đến sự phát triển kinh tế Việt Nam.

Việt Nam, môi trường đầu tư hứa hẹn nhiều tiềm năng cho các doanh nghiệp FDI, tuy nhiên hiện nay vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế về thể chế pháp luật, chính sách, kinh tế vĩ mô, cơ sở hạ tầng...nên các doanh nghiệp FDI chưa phát huy hết tiềm năng của mình, nhà nước chưa quản lý hết được những điểm hạn chế từ các doanh nghiệp FDI. Đó là những tiền đề để nhóm tác giả đưa ra những giải pháp góp phần đẩy lùi những hạn chế đồng thời nâng cao chất lượng đầu tư, tăng cường thu hút vốn đầu tư có chọn lọc, và một số kiến nghị đối với cơ quan có thẩm quyền trong chương tiếp theo.

## CHƯƠNG 3

# GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI

### ***3.1 Dự báo lượng vốn FDI được đầu tư vào Việt Nam trong năm 2013***

Dòng vốn FDI trên thế giới đã có sự phục hồi từ năm 2010 sau khi chững lại vào năm 2008- 2009. Năm 2011, thế giới đã thu hút được khoảng 1.500 tỷ USD. Trong đó, các nước phát triển thu hút 748 tỷ USD, tăng 21% vào năm 2010 và các nước đang phát triển thu hút 684 tỷ USD, chiếm 45% tổng FDI toàn thế giới; các nền kinh tế đang chuyển đổi thu hút 92 tỷ USD, tăng 25% và chiếm 6% FDI toàn cầu. Năm 2012, dự kiến FDI toàn thế giới sẽ đạt khoảng đạt xấp xỉ 1.600 tỷ USD; năm 2013, FDI toàn thế giới sẽ lên tới 1.800 tỷ USD và năm 2014 là 1.900 tỷ USD. Trong đó, các nước Đông Á và Asean vẫn là điểm đến hấp dẫn để thu hút đầu tư.

Theo đó, xu hướng FDI thế giới trong thời gian tới là đầu tư vào kinh tế xanh, và những ngành công nghiệp sạch sẽ tăng mạnh. Mặt khác, các công ty xuyên quốc gia (TNCs) đóng vai trò quan trọng và là nguồn cung cấp FDI lớn nhất. Tại sao có sự chuyển dịch này, bởi các TNCs có nhu cầu tìm kiếm, mở rộng thị trường và các nguồn lực, sự ổn định về chính trị và những chính sách ưu đãi FDI, ngoài ra khả năng sinh lợi từ nguồn vốn là động lực để TNCs đẩy mạnh đầu tư ra nước ngoài.

Những quốc gia muốn tiếp nhận được nhiều FDI phải tạo ra những điều kiện đáp ứng mục đích kiếm lợi nhuận của nhà đầu tư. Và quan trọng là, phải có những chính sách thu hút FDI hoàn chỉnh, bao gồm những chính sách đất đai, chính sách tiền tệ, tỷ giá hối đoái, chính sách lao động, chính sách ưu đãi tài chính,...

Mặc dù dòng vốn FDI trên thế giới đã có sự phục hồi từ năm 2010 và dự báo sẽ tiếp tục tăng vào năm 2012, tuy nhiên ở Việt Nam dòng vốn FDI trong 2 năm qua chưa thấy tăng lên mà lại có chiều hướng giảm dần. Cụ thể, năm 2010, Việt Nam thu hút được 18,59 tỷ USD thấp hơn con số 21,48 tỷ của năm 2009; năm 2011 dù đã đặt ra mục tiêu thu hút khoảng 20-21 tỷ USD vốn FDI, nhưng kết quả cũng chỉ thu hút được 14,7 tỷ. Năm 2012, đặt mục tiêu thu hút 15-17 tỷ USD, nhưng 10 tháng đầu năm Việt Nam mới chỉ thu hút được 10,49 tỷ USD, bằng 75,3% cùng kỳ 2011.

Chưa thể khẳng định kết quả này là do chúng ta chậm đổi mới các chính sách thu hút FDI thời gian qua, nhưng nếu nhìn sang các nước lân cận thì thấy rằng, chính sách thu hút FDI của họ đã có nhiều đổi mới, để phù hợp với từng giai đoạn nhất định.

*Với tình hình kinh tế Việt Nam được dự báo trong năm 2013 dần dần phục hồi, tốc độ tăng trưởng GDP khoản 5.9% nên dòng vốn FDI vào Việt Nam trong năm 2013 theo nhóm dự báo Việt Nam sẽ thu hút 16-17 tỷ USD. Tập trung vào một số ngành như công nghiệp chế biến chế tạo, thông tin truyền thông, vận tải kho bãi, xây dựng... Và vẫn tập trung vốn vào một số khu vực có cơ sở hạ tầng phát triển như: Bình Dương, Hải Phòng, Đồng Nai, Tp. Hồ Chí Minh, Bắc Giang...*

### **3.2. Giải pháp hạn chế chuyển giá của các doanh nghiệp FDI**

Như phần trước đã trình bày, nhận vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài không phải là lúc nào cũng có lợi. Bên cạnh đem lại nguồn vốn, việc làm... thì sự xuất hiện của dòng vốn FDI tạo áp lực cạnh tranh lớn đối với doanh nghiệp trong nước. Thu hút FDI với mục chuyển giao công nghệ thì về kênh chuyển giao và phổ biến công nghệ giữa doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp trong nước cũng không hoặc ít diễn ra. Và gần đây nhất là thủ thuật chuyển giá của doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. Chuyển giá làm thất thu ngân sách, môi trường cạnh tranh không lành mạnh, thay vì lợi ích giảm nhập siêu thì chuyển giá lại làm nên những nguyên nhân dẫn đến tình trạng nhập siêu. Tìm được nguyên nhân và cách thức mà các doanh nghiệp sử dụng trước hết em xin đề ra một số giải pháp nhằm giải quyết tình trạng chuyển giá.

#### **3.2.1. Về phía nhà nước**

- Để khắc phục tồn tại phát sinh trong lĩnh vực nhạy cảm, có liên quan đến hoạt động đối ngoại quốc tế cũng như chính sách thu hút đầu tư nước ngoài vào Việt Nam, cần có sự chỉ đạo tích cực từ cấp Trung ương đến từng địa phương. Trước mắt, Nhà nước cần có văn bản quy định nhiệm vụ cụ thể cho các ngành có liên quan như: cơ quan thuế, hải quan, quản lý đầu tư, công an, viện kiểm sát, toà án, ngân hàng thực hiện tốt việc phối hợp theo thẩm quyền về trao đổi, cung cấp thông tin, nhằm kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động giao dịch liên kết và chuyển giá của các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài. Theo đó, cơ quan quản lý thuế được quyền áp dụng những biện pháp tạm dừng hoàn thuế GTGT đối với các doanh nghiệp khai báo kết quả kinh doanh lỗ quá vốn chủ sở hữu cho đến khi doanh

ngành khắc phục được tình trạng liên tục kê khai lỗ, vừa phù hợp với thông lệ quốc tế, vừa đồng bộ với Bộ Luật Dân sự của Việt Nam quy định về các điều kiện tồn tại pháp nhân kinh tế.

### **3.2.2. Về phía doanh nghiệp**

- Buộc doanh nghiệp FDI sử dụng nguồn nguyên liệu trong nước. Thực tế, doanh nghiệp thực hiện được hoạt động chuyển giá là nhờ mua nguyên liệu với giá cao, bán sản phẩm cho công ty mẹ ở nước ngoài với giá thấp. Do vậy, buộc doanh nghiệp sử dụng nguồn nguyên liệu trong nước (chỉ những nguyên liệu trong nước không có mới được nhập), ít nhất cũng giải quyết được vấn đề tiêu dùng nguyên liệu trong nước, đồng thời giảm nhập siêu. Vấn đề còn lại là cơ quan chức năng kiểm tra chặt chẽ giá đầu ra, nếu doanh nghiệp bán sản phẩm cho duy nhất công ty mẹ với giá thấp thì có biện pháp đối chiếu, xử lý.

### **3.2.3. Về phía cục thuế**

- Cần xem xét lại việc ưu đãi thuế GTGT cho doanh nghiệp xuất khẩu hiện nay. Việc ưu đãi thuế GTGT 0% cho doanh nghiệp xuất khẩu đã là ưu thuế quá lớn đối với những doanh nghiệp trong khu chế xuất. Bởi thực tế, số thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp trong khu chế xuất nộp rất ít, họ lại được hưởng ưu đãi về đất đai, vị trí, lao động nhân công rẻ, đường xá... Cùng với kiểu chuyển giá, báo cáo lỗ như hiện nay là vấn đề cần xem xét lại để tạo công bằng giữa các doanh nghiệp

## **3.3 GIẢI PHÁP NHẪM TĂNG CƯỜNG THU HÚT VỐN**

- Thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài mang lại rất nhiều lợi ích, nhưng trên thực tế gần đây có nhiều bất cập như thủ thuật chuyển giá. Để tăng cường hiệu quả từ nguồn vốn này trước hết phải có giải pháp hạn chế như chuyển giá đã nêu ở trên. Bên cạnh đó phải có các chính sách tăng cường thu hút vốn nhằm thúc đẩy tăng trưởng phát triển của Việt Nam hiện nay nhất là khi Việt Nam đang mở cửa hội nhập quốc tế. Và quan trọng hơn hết là phát huy các lợi ích mà nguồn vốn này mang lại. Dưới đây là một số biện pháp nhằm tăng cường thu hút vốn đầu tư nước ngoài

### **3.3.1. Các chính sách kinh tế xã hội**

- Xây dựng các phương thức và chính sách phù hợp để có thể kêu gọi các tập đoàn kinh tế lớn đầu tư vào Việt Nam. Áp dụng các giải pháp khuyến khích đầu tư

bằng các chính sách về vốn, thuế, tuy nhiên cần có sự hợp lý đảm bảo công bằng cho các doanh nghiệp trong nước. Một trong những yêu cầu rất quan trọng là chúng ta phải chủ động kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực để đáp ứng các dự án công nghệ cao, đặc biệt trong các ngành công nghiệp mũi nhọn như điện tử, tin học, phần mềm, vật liệu mới... Đối với các nhà đầu tư này, chúng ta càng chuẩn bị tốt các điều kiện cho họ bao nhiêu thì tác động, lôi cuốn tới các nhà đầu tư khác sẽ càng tăng bấy nhiêu

- Cần tích cực đẩy mạnh chương trình đổi mới d, đặc biệt đẩy nhanh doanh nghiệp nhà nước việc cổ phần hoá để thu hút nguồn vốn đầu tư mới từ xã hội thông qua thị trường chứng khoán.

### 3.3.2 Chính sách pháp luật

- Thực hiện nghiêm túc các quy định của Luật Đầu tư, Luật Đấu thầu nhằm thực hiện đúng tiến độ và bảo đảm được hiệu quả của dự án, đặc biệt rút ngắn thời gian giải phóng mặt bằng. Đồng thời tăng cường công tác kiểm tra giám sát của chủ đầu tư, của các cơ quan quản lý nhà nước để chống tham nhũng, lãng phí, thực hành tiết kiệm, tạo niềm tin cho nhân dân khi tham gia vốn và đầu tư

### 3.3.3 Cải cách thủ tục hành chính

- Cần có sự thống nhất hơn trong các thủ tục hành chính chống gán phiến nhiễu hay những thủ tục rườm rà không đáng có. Đổi mới quan điểm về thủ tục hành chính. Các cơ quan nhà nước cần có tư duy sát thực hơn về hoạt động đầu tư và kinh doanh của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài theo hướng trước hết đây vừa là lợi ích, vừa là trách nhiệm của họ. Cơ quan quản lý nhà nước phải nhận thức, quán triệt quan điểm phục vụ trong chỉ đạo thực hiện cải cách thủ tục hành chính là nhiệm vụ trung tâm theo hướng nhận khó khăn về phía mình để tìm cách đơn giản hoá thủ tục hành chính tới mức cao nhất, đem lại thuận lợi nhất cho doanh nghiệp. Trên cơ sở đó, mọi thủ tục hành chính cần hướng vào việc tạo thuận lợi cho các hoạt động đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài, cũng như hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Các thủ tục hành chính đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài cần được thiết kế theo hướng để khi doanh nghiệp thực hiện với thời gian ngắn nhất và chi phí thấp nhất. Từ điều này sẽ tìm ra nhiều cách sáng tạo thực hiện.



### 3.3.4 Xây dựng cơ cấu hạ tầng

- Cần có hệ thống đường xá cầu cống ổn định hơn, các tuyến và các trục đường chính tùy theo khu vực trục đường mà mở rộng, sửa chữa đảm bảo thông suốt, hạn chế ùn tắc như hiện nay. Tổng rà soát, điều chỉnh, phê duyệt và công bố các quy hoạch về kết cấu hạ tầng đến năm 2020, huy động tối đa các nguồn lực để đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng.

## 3.4 KIẾN NGHỊ

### 3.4.1 Đối với cục thuế

- Cần có thái độ nghiêm minh với các doanh nghiệp đã vi phạm, nhằm buộc các doanh nghiệp phải kê khai chính xác về giá đối với các hoạt động giao dịch liên kết (phạt về hành vi gian lận thuế, trốn thuế; truy cứu trách nhiệm hình sự; cấm hoạt động kinh doanh tại Việt Nam...)

- Cơ quan thuế cần phải có biện pháp thu thập được giá thị trường khách quan, cụ thể thu thập thông tin; phân tích theo từng ngành nghề, lĩnh vực, trao đổi thông tin với phía nước ngoài từ đó dễ dàng nhận diện các trường hợp dùng thủ thuật chuyển giá

### 3.4.2 Đối với nhà nước

- Đưa ra ban hành các văn bản pháp quy quy định cụ thể hơn nữa về chuyển giá, làm cơ sở cho các địa phương, cơ quan thu thuế thực hiện. Cần xây dựng Luật Chống chuyển giá, đồng thời sửa đổi bổ sung các văn bản pháp luật có liên quan như: Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Luật Thương mại, Luật Cạnh tranh, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, Luật Dân sự. Hình thành cơ quan chuyên trách chống chuyển giá ở cấp Trung ương và các tỉnh, thành phố nhằm chỉ đạo thực hiện thông suốt. Có như vậy mới chống được hành vi chuyển giá, tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh, bảo đảm thu đúng, thu đủ vào ngân sách Nhà nước.

### KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Trên cơ sở phân tích, đánh giá thực trạng đầu tư nước ngoài tại Việt Nam ở chương 2, nhóm tác giả đã đưa ra dự báo về lượng vốn FDI được đầu tư vào Việt Nam trong năm 2013 và một số giải pháp chủ yếu như: hạn chế việc chuyển giá của các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài. Về phía nhà nước cần hoàn thiện hệ thống hành lang pháp lý để phù hợp với thông lệ quốc tế, về phía doanh nghiệp FDI buộc doanh nghiệp FDI phải sử dụng nguồn nguyên liệu trong nước, về phía cục thuế cần xem xét lại việc ưu đãi thuế suất thuế giá trị gia tăng 0% hiện nay. Ngoài việc hạn chế việc chuyển giá thì nhóm tác giả còn đưa ra các giải pháp nhằm tăng cường thu hút vốn đầu tư nhưng có chọn lọc. Cuối cùng là một số kiến nghị đối với cục thuế và đối với nhà nước.

## KẾT LUẬN

Sau hơn 20 năm thu hút vốn đầu tư nước ngoài, nước ta đã có những khởi sắc nhiều so với thời kỳ đầu đổi mới. Sản phẩm của FDI với nhiều mẫu mã và chất lượng cao, phần đưa về chính quốc để hoàn chỉnh, phần xuất khẩu, phần bổ sung vào quỹ hàng hoá xã hội của ta để bớt phần nhập khẩu trực tiếp. Với sự đóng góp khoảng 16-18% GDP trong những năm gần đây, FDI đã góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế nước ta theo đường hướng mới, được kỳ vọng là động lực quan trọng cho công cuộc đổi mới. Tuy nhiên bên cạnh những lợi ích mang lại thì gần đây, lợi dụng các chính sách ưu đãi của nhà nước các doanh nghiệp FDI sử dụng thủ thuật chuyển giá gây thất thoát một nguồn thuế lớn. Nói như vậy không phải là phủ nhận vai trò của FDI, nhận thấy cái xấu cái tốt từ đó đưa ra nâng cao chất lượng của nguồn vốn này phải là một mục tiêu hàng đầu.